

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



NGUYỄN HOÀNG MINH

Lớp : LKT 13 – 01, khóa:13

**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CHẾ ĐỘ KINH
TẾ TRONG HIẾN PHÁP 1992 VÀ 2013 SO
VỚI HIẾN PHÁP NĂM 1980**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: PGS, TS BÙI XUÂN ĐỨC

HÀ NỘI 2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



NGUYỄN HOÀNG MINH

Lớp : LKT 13 – 01, khóa:13

**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CHẾ ĐỘ KINH
TẾ TRONG HIẾN PHÁP 1992 VÀ 2013 SO
VỚI HIẾN PHÁP NĂM 1980**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: PGS, TS BÙI XUÂN ĐỨC

Nơi thực hiện đề tài: Trường Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: Từ ngày 07/03/2023 đến 30/05/2023

HÀ NỘI 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết toàn bộ nội dung của đề tài là kết quả nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PSG, TS Bùi Xuân Đức. Các kết quả, số liệu trong đề tài là trung thực. Các tài liệu tham khảo sử dụng trong khóa luận có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và được trích dẫn một cách hợp pháp. Tôi xin chịu trách nhiệm và chịu mọi hình thức kỷ luật theo quy định cho lời cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2023

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Hoàng Minh

LỜI CẢM ƠN

Đề tài những điểm mới về chế độ kinh tế trong hiến pháp 1992 và 2013 so với hiến pháp năm 1980 là nội dung em chọn để nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp sau bốn năm theo học chương trình đại học chính quy chuyên ngành luật tại trường Đại học Đại Nam

Để hoàn thành quá trình nghiên cứu và hoàn thiện khóa luận này, lời đầu tiên em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến PGS.TS Bùi Xuân Đức thuộc Khoa luật kinh tế Trường Đại học Đại Nam. Thầy đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu để em hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp này. Ngoài ra em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô trong Khoa luật kinh tế đã đóng góp những ý kiến quý báu cho luận văn.

Trân trọng cảm ơn!

DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Tiếng Việt
FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
WB	Ngân hàng thế giới
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

	Trang
Hình 2.1. bảng so sánh chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và 2013 so với Hiến pháp năm 1980	25
Hình 2.2. thành tựu của nền công nghiệp quốc phòng Xô Viết khi dựa vào kinh tế kế hoạch hóa tập chung, quốc hữu tư liệu sản xuất	28

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu.....	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
5. Giả thuyết khoa học.....	3
6. Phương pháp nghiên cứu	3
7. Đóng góp của đề tài.....	4
8. Bố cục của đề tài	4
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ CHẾ ĐỘ KINH TẾ, SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ KINH TẾ Ở VIỆT NAM QUA CÁC HIẾN PHÁP	5
1.1. Khái niệm về chế độ kinh tế và các yếu tố cấu thành.....	5
1.1.1. Khái niệm chế độ kinh tế.....	5
1.1.2. Các yếu tố cấu thành của chế độ kinh tế	8
a. Chính sách phát triển kinh tế	8
b. Thành phần kinh tế	9
c. Chế độ sở hữu	10
d. Chế độ quản lý nền kinh tế.....	15
1.2. Sự phát triển của chế độ kinh tế của Việt Nam qua các Hiến pháp .	17
1.2.1. Chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1946.....	17
1.2.2. Chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1959.....	18

1.2.3. Chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1980.....	19
1.2.4. Chế độ kinh tế tại Hiến pháp năm 1992 và 2013	23
Tiểu kết:	24
Chương 2: NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG CHẾ ĐỘ KINH TẾ Ở NƯỚC TA THEO HIẾN PHÁP 1992 VÀ 2013 SO VỚI HIẾN PHÁP NĂM 1980.....	25
2.1. Những điểm mới về chính sách kinh tế	26
2.2. Những điểm mới về thành phần kinh tế.....	41
2.3. Những điểm mới về chế độ sở hữu	43
2.4. Những điểm mới về chế độ quản lý nền kinh tế.....	47
Tiểu kết:	50
Chương 3: KIẾN NGHỊ VỀ THỰC HIỆN VÀ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ KINH TẾ Ở NƯỚC TA	51
3.1. Một số vấn đề thực tiễn trong xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta....	51
3.2. Kiến nghị về hoàn thiện chế độ kinh tế ở nước ta	59
Tiểu kết:	61
KẾT LUẬN.....	62
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO	64

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh xu thế toàn cầu hiện nay, nhu cầu hợp tác giữa các quốc gia ngày càng một lớn. Từ những nhu cầu đó đã hình thành chuỗi cung ứng toàn cầu khi nền kinh tế của các quốc gia có xu hướng ngày càng phụ thuộc vào nhau. Điều đó có nghĩa là chúng ta đang sống trong một thế giới nơi có chuỗi cung ứng vô cùng phức tạp khi chỉ cần mất một yếu tố dù chỉ là nhỏ nhất thì cũng có thể dẫn đến những hệ lụy khôn lường cho an ninh kinh tế của toàn thế giới. Đại dịch Covid 19 và các cuộc xung đột, cạnh tranh giữa các nước lớn trên thế giới là một ví dụ điển hình nhất khi nó đã gây ảnh hưởng đến đời sống người dân an ninh, lương thực trở nên bị tắc nghẽn do chiến tranh kinh tế, cấm vận của các nước lớn lên nhau. Theo báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc vào năm 2022 cho biết đã có khoảng 770 triệu người tương đương với 10% dân số thế giới lâm vào tình trạng đói nghèo. Điều này đã gián tiếp gây ảnh hưởng đến các quốc gia mà đặc biệt là các quốc gia nghèo khó hoặc có nền kinh tế chỉ ở mức trung bình và Việt Nam không phải là ngoại lệ khi nền kinh tế của Việt Nam đang phụ thuộc rất lớn vào các nguồn đầu tư từ doanh nghiệp nước ngoài đồng nghĩa với việc nền kinh tế của chúng ta rất dễ bị tổn thương trước những cơn bão suy thoái kinh tế sắp tới, đặc biệt là sự kiện Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO vào năm 2007 và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. những nguyên nhân cấp thiết trên cũng là lý do em quyết định chọn đề tài nghiên cứu về những điểm mới của chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và năm 2013 so với Hiến pháp năm 1980 qua đó có thể hiểu rõ được những ưu điểm và hạn chế trong quá trình xây dựng chế độ kinh tế để có thể góp một phần nhằm hoàn thiện hơn chế độ kinh tế ở nước ta và tạo tiền đề để có thể xây dựng nên kinh tế bền vững trong tình hình mới.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong suốt quá trình nghiên cứu, đề tài đã tham khảo từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau liên quan trực tiếp đến tình hình trong và ngoài nước. Từ các nguồn tài liệu tham khảo cũng như lịch sử của thế giới, Thông qua việc so sánh, phân tích, tổng hợp. Chúng ta sẽ càng hiểu rõ hơn những tác động của lịch sử thế giới cũng như tình hình trong nước vào những năm cuối thập niên 1980 khi liên bang Xô Viết, thành trì của chủ nghĩa xã hội, của giai cấp công nhân và là chỗ dựa tinh thần vững chắc của Việt Nam lúc đó đang ở trong những ngày tháng hỗn loạn khi công cuộc cải tổ kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa lúc đó đã bị thất bại. Thông qua những công cuộc cải tổ sai lầm ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, các điều ước về các hiệp định thương mại quốc tế mà Việt Nam đã kí kết sẽ chúng ta sẽ hiểu rõ hơn nhưng tác động mà nó mang lại trong việc xây dựng chế độ kinh tế của chúng ta trong giai đoạn mà đất nước đang bắt đầu đổi mới chính sách kinh tế và ngày càng hội nhập sâu rộng hơn với thế giới. Từ việc nắm rõ những tác động của của những vấn đề trong và ngoài nước sẽ làm rõ những hạn chế, bất cập của chúng ta trong việc xây dựng những điểm mới về chế độ kinh tế trong hiến pháp 1992 và 2013 mà một trong những mục tiêu vẫn chưa đạt được ở thời điểm hiện tại đó chính là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đưa quốc gia trở thành một nước có nền công nghiệp toàn diện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập chung vào những điểm mới của chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và 2013 so với Hiến pháp năm 1980 phạm vi nghiên cứu bao gồm chính sách kinh tế, chế độ sở hữu, nguyên tắc quản lý nền kinh tế quốc dân. Vì chế độ kinh tế trong Hiến pháp 2013 về bản chất chính là phiên bản hoàn thiện của hiến pháp năm 1992 nên về chế độ kinh tế, cả hai hiến pháp này đều là một vậy nên trong đề tài này sẽ chủ yếu so sánh chế độ kinh tế của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1980 do Hiến pháp năm 2013 đầy đủ hơn và hoàn thiện hơn

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của đề tài nhằm làm sáng tỏ những ưu điểm của chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và 2013 so với chế độ kinh tế vốn được ghi trong Hiến pháp năm 1980 và đồng thời tìm ra những bất cập trong thực tiễn xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta, những hành vi tiêu cực còn tồn đọng tại các doanh nghiệp và đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước và đóng góp vào việc khắc phục những nhược điểm còn đang hiện hữu tại các doanh nghiệp này. Tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công. Mục đích của bài luận tốt nghiệp muốn hướng tới thầy cô giáo của trường Đại học Đại Nam, những người đã có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn để qua đó có những lời khuyên hữu ích nhằm giúp cho bài luận của em khắc phục những thiếu sót chưa nghĩ tới và để thể hoàn thiện đồ án tốt nghiệp cũng như trao dồi kiến thức của mình được đầy đủ hơn.

5. Giả thuyết khoa học

Mặc dù trải qua lịch sử xây dựng chính sách và hoàn thiện chế độ kinh tế tại nước ta. Đất nước đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong xây dựng kinh tế, thu hút được vốn đầu tư từ nước ngoài, tạo công ăn việc làm cho doanh nghiệp, cải thiện được chất lượng đời sống Nhân dân thế nhưng nền kinh tế của chúng ta về bản chất vẫn chưa phát huy được nội lực bên trong của nền kinh tế khi vẫn dựa phần lớn vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ nước ngoài. Chính vì vậy việc cần làm rõ những nguyên nhân là điều cần thiết. Trong đề tài này sẽ làm rõ những lý do vì sao nền kinh tế nước ta chưa phát huy được nội lực và có những kiến nghị hoàn thiện nhằm giúp cho nền kinh tế của chúng ta có thể phát triển một cách bền vững hơn.

6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong đề tài này là phương pháp phân tích và tổng hợp dựa trên những tài liệu thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau.

7. Đóng góp của đề tài

Việc tìm những điểm mới trong chế độ kinh tế của Hiến pháp 1992 và 2013 so với Hiến pháp năm 1980 sẽ giúp chúng ta nhìn ra những nhược điểm còn tồn tại trong xây dựng chế độ kinh tế trong thời kì hội nhập sâu rộng, thông qua đó sẽ có những biện pháp để khắc phục hoàn thiện. Dù có xây dựng chế độ kinh tế như thế nào thì mục đích cuối cùng chúng ta hướng tới đó là trở thành một nước công nghiệp toàn diện trong tương lai gần.

8. Bố cục của đề tài

Bố cục của đề tài nghiên cứu khoa học gồm có 3 chương

1. Chương 1. Tổng quan về chế độ kinh tế, sự phát triển của chế độ kinh tế qua các Hiến pháp
2. Chương 2. Những điểm mới trong chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và 2013 so với Hiến pháp năm 1980
3. Chương 3. Kiến nghị về thực hiện và hoàn thiện chế độ kinh tế ở nước ta

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ CHẾ ĐỘ KINH TẾ, SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ KINH TẾ Ở VIỆT NAM QUA CÁC HIẾN PHÁP

1.1. Khái niệm về chế độ kinh tế và các yếu tố cấu thành

1.1.1. Khái niệm chế độ kinh tế

Trong mỗi quốc gia, chế độ kinh tế là một trong những vấn đề không thể thiếu trong chính sách phát triển của từng quốc gia đó. Dựa vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, mỗi quốc gia sẽ lựa chọn cho mình một chính sách kinh tế phù hợp với từng quốc gia nhằm thực hiện các mục tiêu mà các quốc gia đó đã đề ra, góp phần phát triển đất nước cải thiện đời sống của Nhân dân. Chế độ kinh tế là khung pháp lý vững chắc để các quốc gia thực hiện những mục tiêu của riêng mình phù hợp với hoàn cảnh của mỗi nước.

Để hiểu khái niệm về chế độ kinh tế trước hết chúng ta cần hiểu về khái niệm kinh tế, kinh tế được hiểu là toàn diện và tổng thể những mối quan hệ có sự tương tác qua lại lẫn nhau giữa con người với con người, tương quan trực tiếp đến hoạt động giải trí sản xuất, kinh doanh thương mại nhằm mục đích tạo ra loại sản phẩm, dịch vụ và hàng hóa để kinh doanh, trao đổi trên thị trường. Mục đích chính của kinh tế cũng nhằm thu được những lợi ích nhất định về lợi nhuận, phục vụ cho nhu cầu của cá nhân.

Xuất phát từ việc để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người trong một xã hội nơi mà tài nguyên và nguồn nhân lực bị hạn chế kết hợp với việc những nhu cầu cá nhân của mỗi thành phần kinh tế không hề giống nhau dẫn đến việc các chủ thể của nền kinh tế sẽ chỉ phục vụ cho lợi ích của riêng mình thậm trí làm làm ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế gây ra bất ổn cho xã hội. Từ những nguy cơ trên, Nhà nước cần có những chính sách quy định về phương hướng phát triển kinh tế, quy định về các hình thức sở hữu, các thành phần tham gia vào nền kinh tế quốc dân, quy định về

nguyên tắc phân phối hàng hóa và những phương hướng quản lý nền kinh tế quốc dân sao cho phù hợp với thể chế chính trị và tình hình phát triển của nhà nước nhằm giữ cho nền kinh tế phát triển theo đúng mục tiêu chính sách mà nhà nước đã đề ra và ổn định đời sống an sinh xã hội cho người dân. Tất cả những điều trên gọi chung quy lại đó là chế độ kinh tế.

Từ những dữ liệu đã nêu ở trên suy ra chế độ kinh tế có thể hiểu là những quy định pháp luật trong Hiến pháp nhằm điều chỉnh quan hệ xã hội giữa con người liên quan trực tiếp đến các giai đoạn sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người trong một xã hội nơi mà có nguồn tài nguyên và nguồn lực luôn ở mức giới hạn. Như vậy, chế độ kinh tế là khung pháp lý nhà nước sử dụng để trực tiếp điều chỉnh nhằm xác định một hệ thống kinh tế tương thích làm cơ sở pháp lý để tạo lập nền tảng kinh tế phù hợp cho sự tồn tại và phát triển của nhà nước. Chế độ kinh tế không nhất thiết phải cố định mà có thể thay đổi qua từng thời kỳ sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của Nhà nước. Mặc dù chế độ kinh tế của mỗi quốc gia là khác nhau nhưng tựu chung lại chế độ kinh tế thường bao hàm các nội dung chính gồm những quy định về chính sách, phương hướng phát triển nền kinh tế, các hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất, vị trí và vai trò của chúng trong nền kinh tế, các thành phần tham gia vào nền kinh tế sản xuất, phân phối và tiêu dùng sản phẩm. Cuối cùng là phương hướng quản lý nền kinh tế, các quy định pháp lý để nhà nước kiểm soát nền kinh tế một cách hợp lý sao cho đảm bảo việc sản xuất, phân phối trong nền kinh tế có thể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân cũng như đảm bảo cho mục đích thực hiện các mục tiêu kinh tế không đi ngược lại với mục tiêu mà Nhà nước đã đề ra và để đảm bảo việc phân phối tài nguyên, tư liệu sản xuất một cách hợp lý.

Do tầm quan trọng mang tính quyết định của vấn đề kinh tế đối với đời sống của mỗi quốc gia, nên với tư cách là đạo luật cơ bản, không có một bản Hiến pháp nào không có quy định về nội dung của chế độ kinh tế. Tuy nhiên, các bản Hiến pháp

của các nước khác nhau có sự khác nhau về mức độ, phạm vi quy định. Căn cứ vào mức độ quy định, có thể phân định thành hai mô hình hiến pháp quy định về chế độ kinh tế.

- Mô hình thứ nhất: Hiến pháp không quy định một cách trực tiếp về chế độ kinh tế hoặc nếu có thì cũng chỉ quy định ở mức tối thiểu, mô hình này được áp dụng chủ yếu ở các nước có nền kinh tế thị trường tự do đặc biệt là ở các nước phương tây đứng đầu là Hoa Kỳ. Đối với những quốc gia theo chế độ kinh tế thị trường tự do cho rằng nền kinh tế thị trường cần phải được giải phóng khả năng sản xuất theo học thuyết bàn tay vô hình của nhà kinh tế học người Scotland Adam Smit theo đó ông đã cho rằng cần phải đề cao một nền kinh tế thị trường tự do và có ít sự tác động của nhà nước khi chính sự cạnh tranh mới là yếu tố trực tiếp dẫn đến việc nền kinh tế thị trường có khả năng điều chỉnh cung cầu trên thị trường và tự nó duy trì một trạng thái cân bằng mà xuất phát từ việc cạnh tranh của nền kinh tế thị trường chính là bàn tay vô hình chung giúp cho đời sống xã hội của mọi người trở nên tốt hơn. Adam Smit đã nhấn mạnh rằng *"Trong nền kinh tế thị trường, các cá nhân tham gia muốn tối đa hóa lợi nhuận cho mình. Ai cũng muốn thế cho nên vô tình chung đã thúc đẩy sự phát triển và củng cố lợi ích cho cả cộng đồng."* Dựa trên học thuyết bàn tay vô hình, các nước phương tây mà ví dụ điển hình nhất là Hoa Kỳ đã không có những quy định cụ thể về mô hình của nền kinh tế trong hiến pháp tuy nhiên vẫn có những quy định gián tiếp liên quan đến quyền cơ bản của con người là nền tảng cho chế độ kinh tế. Các quyền đó được ghi ngắn gọn trong khoản 9 điều 1 của Hiệp pháp hợp chủng quốc Hoa Kỳ năm 1776.

- Mô hình thứ hai: hiến định chế độ kinh tế. Hiến pháp dành một chương riêng hay một số quy định về chế độ kinh tế mà hiến pháp của các nước theo xã hội chủ nghĩa là điển hình, trong đó có Việt Nam vốn áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Theo mô hình này, mọi hoạt động từ sản xuất cho đến phân phối tiêu dùng phải được đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước thông qua các nguyên tắc quản lý

mệnh lệnh hành chính. Nhà nước trực tiếp định giá hàng hóa khi phân phối đến người tiêu dùng. Mục đích của việc này là để tránh hành vi đầu cơ, tích trữ để đẩy giá hàng hóa lên cao. Mọi tư liệu sản xuất đều được quốc hữu hóa.

1.1.2. Các yếu tố cấu thành của chế độ kinh tế

a. Chính sách phát triển kinh tế

Phương hướng phát triển kinh tế là một trong những mục tiêu quan trọng mà Nhà nước đề ra sao cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, phù hợp với tình hình kinh tế ở trong nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, xác định việc xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ, hội nhập và phát triển là điều kiện phù hợp để Nhà nước xây dựng nên một nền kinh tế phát triển dựa trên công nghệ sản xuất hiện đại. Điều này đã được ghi rõ trong Hiến pháp năm 2013 mà cụ thể điều 50 của Hiến pháp quy định về phương hướng phát triển kinh tế của chúng ta như sau:

“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Trong đó chú trọng vào việc xây dựng lên nền kinh tế có khả năng độc lập và tự chủ là hai điều hết sức quan trọng. Một nền kinh tế có khả năng độc lập nhằm mục đích để tránh việc bị phụ thuộc vào kinh tế của các nước lớn qua đó dẫn đến việc tránh bị phụ thuộc về mặt chính trị quốc phòng vì như ta đã biết, bảo vệ chủ quyền của quốc gia không chỉ bảo vệ trên mặt trận an ninh quốc phòng mà còn phải bảo vệ quốc gia trên mọi mặt trận và kinh tế chính là một trong những mặt trận mang tính quan trọng khi nó sẽ quyết định đến độc lập chính trị của quốc gia đó. Tiếp đó là khả năng tự chủ của nền kinh tế, là một trong những yếu tố để phát huy nội lực của nền kinh tế quốc gia giúp cho nền kinh tế có thể đứng vững trong một thế giới khi mà diễn biến của các mối quan hệ quốc tế đang diễn ra ngày càng hết sức phức tạp với xu thế

toàn cầu, nhu cầu hợp tác, giao lưu văn hóa, kinh tế giữa các quốc gia ngày càng một lớn và từ đó đã tạo nên chuỗi cung ứng toàn cầu phụ thuộc vào nhau. Điều đó cho chúng ta thấy rằng thế giới mà chúng ta đang sống mỏng manh đến nhường nào khi chỉ cần một yếu tố bị mất đi thì cả nền kinh tế thế giới sẽ trở nên hỗn loạn. Nhận thức được điều đó, phương hướng phát triển nền kinh tế của Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao khả năng tự chủ của nền kinh tế vì như đã trình bày ở trên thì việc tự chủ không chỉ thúc đẩy nội lực của nền kinh tế mà nó còn giúp cho nền kinh tế có khả năng đứng vững trước những biến động khó lường của thế giới.

Cuối cùng bên cạnh hai yếu tố là độc lập, tự chủ thì yếu tố hội nhập là một yếu tố không thể bỏ qua trong phương hướng phát triển kinh tế. Được quy định trong Hiến pháp 2013, việc hội nhập là một trong những yếu tố không thể thiếu nhằm bắt kịp những xu thế phát triển của thế giới, thực hiện mục tiêu đi tắt đón đầu của Việt Nam. Việc hội nhập sâu rộng giúp cho chúng ta tìm kiếm thêm những thị trường mới mà còn thu hút được các vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam giúp cho Việt nam bắt kịp được nền tảng khoa học công nghệ trong các ngành công nghiệp công nghệ cao và qua nhanh chóng đổi mới phương thức sản xuất và cải thiện chất lượng sản phẩm phục vụ cho nền kinh tế cũng như cải thiện đời sống của Nhân dân.

b. Thành phần kinh tế

Thành phần kinh tế là một bộ phận quan trọng không thể thiếu trong chính sách kinh tế của mỗi quốc gia. Tại Việt Nam, trong bối cảnh kinh tế của nước ta đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Điều 51 của Hiến pháp năm 2013 quy định:

“Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo khẳng định kinh tế nhà nước có vai trò quan trọng trong việc định hướng, điều tiết sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Trong bối cảnh hiện nay việc phát triển kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của Nhà nước để đảm bảo tôn trọng quy luật tự nhiên của thị trường khi tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tự do phát triển và được phép kinh doanh vào những lĩnh vực mà pháp luật không cấm nhưng với việc quy định nền kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo là nhằm mục đích trèo lái các thành phần trong nền kinh tế đi đúng hướng của Nhà nước đã đề ra bởi vì trong nền kinh tế thị trường thì mục đích cuối cùng của nó đó chính là lợi nhuận do vậy, các chủ thể kinh tế thường sẽ chỉ thực hiện vì quyền lợi cá nhân chứ không vì lợi ích của cộng đồng. Việc kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế liên quan đến an ninh quốc gia là một trong những điều cần thiết để Nhà nước trực tiếp thực hiện các mục tiêu mà mình đã đề ra và điều hướng nền kinh tế quốc dân đi đúng với mục đích, phương hướng phát triển nền kinh tế chung của quốc gia.

c. Chế độ sở hữu

Trong chế độ kinh tế, chế độ sở hữu là một trong những yếu tố cơ bản khi nó sẽ quyết định đến việc xác định mô hình kinh tế, phương hướng phát triển nền kinh tế của một quốc gia, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, Hiến pháp 2013 điều 51 cũng đã quy định có rất nhiều hình thức sở hữu ở nước ta. Tuy nhiên nhìn một cách tổng thể, chế độ sở hữu thường có những loại hình sau:

- Chế độ sở hữu nhà nước: chế độ sở hữu nhà nước là một trong những chế độ sở hữu mang tính quan trọng khi nó sẽ quyết định đến an ninh của nền kinh tế. Chế độ sở hữu Nhà nước có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực năng lượng, khai khoáng, công nghiệp nặng đứng đầu là công nghiệp quốc phòng nhằm mục tiêu đảm bảo an ninh cho nền kinh tế quốc gia và để bảo vệ chủ quyền của tổ quốc. Lĩnh vực năng lượng, khai khoáng là một trong những lĩnh vực cơ bản là nguồn năng lượng cho các ngành sản xuất công nghiệp quan trọng mà thiếu nó thì nền kinh tế sẽ không thể hoạt động. Trong số đó, lĩnh vực liên quan đến khai thác dầu khí là một trong những lĩnh

vực điển hình mà nhà nước hiện đang giữ vai trò quản lý. Dầu mỏ là một nguồn năng lượng quan trọng đến nỗi mà mọi ngành công nghiệp cũng như đời sống xã hội không thể không có nó. Mọi phương tiện giao thông mà không có xăng dầu thì sẽ không thể vận hành, các ngành công nghiệp mà không có dầu mỏ sẽ bị đình trệ và dẫn đến việc toàn bộ nền kinh tế sẽ bị tê liệt. Đó là lí do vì sao Nhà nước cần phải làm chủ sở hữu các nguồn tài nguyên khoáng sản của quốc gia không chỉ đảm bảo sự ổn định cho nền kinh tế quốc dân mà nó còn ngăn những các nhân, tổ chức khai thác trái phép nhằm thu lợi bất chính và lãng phí nguồn tài nguyên.

- Chế độ sở hữu tư nhân: chế độ sở hữu tư nhân là chế độ sở hữu nơi mà các cá nhân, tổ chức ngoài Nhà nước được quyền sở hữu về tư liệu sản xuất. Chế độ sở hữu tư nhân góp phần tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước được tự do phát triển trong khuôn khổ mà pháp luật cho phép, tạo động lực cho nền khoa học và kĩ thuật ở trong nước phát triển một cách mạnh mẽ góp phần cải thiện đời sống của Nhân dân và thực hiện các mục tiêu mà Nhà nước đề ra.

- Chế độ sở hữu hỗn hợp: chế độ sở hữu hỗn hợp là chế độ sở hữu đa dạng mà hình thức sở hữu này có nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Xuất phát từ nhu cầu hội nhập quốc tế. Ngoài việc tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong nước phát triển thì việc cần thu hút các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài (FDI) cũng là một vấn đề quan trọng việc thu hút nguồn vốn FDI không chỉ là cơ sở để góp phần giúp cho người lao động cải thiện đời sống, tạo công ăn việc làm và giúp tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của quốc gia phát triển mà nó còn chính là cơ hội để chúng ta tiếp nhận các công nghệ sản xuất từ các nguồn đầu tư FDI đó để tự mình phát huy nội lực kinh tế và phục vụ mục tiêu đưa đất nước trở thành một quốc gia có nền công nghiệp toàn diện. Chế độ sở hữu hỗn hợp chính là cơ sở để tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tư nhân, Nhà nước và các thành phần kinh tế nước ngoài hợp tác phát triển.

Trong xã hội tư bản, đặc biệt là ở các nước phương Tây vốn theo nền kinh tế thị trường tự do, quyền sở hữu tư nhân được coi là quyền sở hữu được nêu cao và được

ưu tiên hàng đầu. nguyên nhân của việc đề cao hình thức sở hữu tư nhân của các nước này xuất phát từ học thuyết bàn tay vô hình của nhà kinh tế học người Scotland là Adam Smith, theo học thuyết này cho rằng một nền kinh tế thị trường tự do có thể tự mình cân bằng được quy luật cung cầu nhờ vào khả năng cạnh tranh và từ đó sẽ giúp cho động lực sản xuất tăng lên và chính sự cạnh tranh này sẽ vô hình chung tạo ra hàng hóa giá phải chăng và chất lượng sản phẩm tốt hơn nhờ việc cạnh tranh của nền kinh tế thị trường tự do khiến cho các nhà sản xuất phải tự mình điều chỉnh chất lượng sản phẩm với giá thành phải chăng để chiếm được thị phần nếu muốn tồn tại trên thương trường. Điều này giống như một mệnh lệnh vô hình đối với các nhà sản xuất và thông qua sự cạnh tranh giữa những thương nhân đó người tiêu dùng sẽ được hưởng lợi. Đây cũng chính là nguyên nhân các quốc gia này đã đề cao hình thức sở hữu tư nhân xuất phát từ quan điểm của Smith đó là việc đóng góp cho xã hội một cách tự phát thường dựa trên việc theo đuổi những lợi ích cá nhân hiệu quả hơn nhiều so với đóng góp có chủ đích. Từ đó, Adam Smith đã kết luận rằng sự giàu có của mỗi quốc gia đạt được không phải do những quy định chặt chẽ của Nhà nước, mà do bởi tự do kinh doanh và các quốc gia phương tây thông qua học thuyết này đã đề cao hình thức sở hữu tư nhân như là một động lực để các tổ chức kinh tế tư nhân tự do sản xuất phát để phát triển.

Mặc dù không thể phủ nhận rằng học thuyết bàn tay vô hình của Adam Smith đang áp dụng đối với nền kinh tế thị trường ở các nước tư bản có tính cạnh tranh cao cũng như tôn trọng các quy luật khách quan của thị trường và nhờ có sự cạnh tranh, nền kinh tế của các quốc gia này đã đạt được nhiều thành tựu lớn mang tính đột phá về khoa học và công nghệ. Thế nhưng học thuyết của Adam Smith qua một thời gian dài được áp dụng ở các nước tư bản vào thế kỉ XIX trong thời kì nền kinh tế được tự do cạnh tranh đã cho thấy rõ những lỗ hổng chết người qua các cuộc khủng hoảng tài chính trong lịch sử. Học thuyết của Adam Smith một phần nào đó phản ánh đúng quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường khi nó đã mở ra một chương mới trong

việc học thuyết này đã tôn trọng và ủng hộ tự do kinh doanh, vào đầu những năm của thế kỉ XIX khi mà các luật lệ và thuế má hà khắc đã cản trở nền kinh tế phát triển. Trong thời kì của Smith, bàn tay vô hình còn nắm được các ngành kinh tế và kiểm soát được tình hình. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng về khoa học kĩ thuật, sự ra đời của máy móc đã làm thay đổi tất cả khi nó đã góp phần vào xu thế toàn hội nhập toàn cầu. Hàng hóa được sản xuất hàng loạt và giao thương rộng rãi, nhu cầu của con người gia tăng khiến cho sản xuất gia tăng và sự dẫn nở của nền kinh tế đã vượt quá tầm kiểm soát của bàn tay vô hình khi có một số hoặc một nhóm người có quyền lực kinh tế vô cùng lớn đã lớn mạnh lên từ sự dẫn nở về kinh tế có thể gây ảnh hưởng, bóp méo nền kinh tế nhằm phục vụ cho lợi ích của riêng mình. Các cuộc khủng hoảng kinh tế trong lịch sử đặc biệt là cuộc đại khủng hoảng kinh tế ở Hoa Kỳ và các nước Tây Âu những năm 1929 đến năm 1933 đã cho thấy những cơ chế điều chỉnh của thị trường tự do đã phản tác dụng dẫn tới đầu cơ gây bong bóng tài chính. Chính sự đầu cơ và tư lợi cá nhân của một nhóm các nhà tài phiệt khi đã đầu cơ tích trữ để đẩy giá cổ phiếu lên cao để bán kiếm lời mà không có sự kiểm soát từ chính phủ đã tạo ra cuộc đại khủng hoảng năm 1929 cũng chính vì thế mà sau này học thuyết bàn tay hữu hình tức sự can thiệp của chính phủ là một điều cần thiết khi cơ chế điều chỉnh tự nhiên của thị trường phản tác dụng.

Từ những sai sót của học thuyết bàn tay vô hình, chế độ sở hữu tư nhân mà các quốc gia phương Tây đứng đầu là Hoa Kỳ áp dụng dựa trên học thuyết này đã bộc lộ ra những nhược điểm của nó. Các nước tư bản đã không thể khắc phục được những nhược điểm vốn có của nền kinh tế thị trường tự do đó chính là sự phân hóa bất bình đẳng giàu nghèo cũng như sự thao túng của các thế lực tài phiệt mà nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc này xuất phát từ việc quá đề cao chế độ sở hữu tư nhân khi nó là cơ sở cho phép các thế lực này thôn tóm các ngành công nghiệp, sản xuất quan trọng, lũng đoạn thị trường. Không chỉ dừng ở các ngành công nghiệp, các thế lực này còn thôn tóm các ngành tài nguyên khai khoáng, các ngành năng lượng có vị trí quan

trọng và đóng vai trò là an ninh của nền kinh tế quốc gia. Chính việc đề cao sở hữu tư nhân ở các quốc gia phương Tây đã dẫn đến việc các thế lực tài phiệt đã tận dụng cơ hội để chiếm hữu những nguồn tài nguyên khoáng sản, thứ mà đáng lẽ ra những tài nguyên này vốn thuộc về sở hữu của toàn dân nhưng đã bị họ sử dụng cho mục đích cá nhân, thu lợi nhuận nhằm mục đích làm giàu cho bản thân và lũng đoạn chính phủ khiến cho đời sống của Nhân dân ở các nước này bị phân hóa giàu nghèo sâu sắc khi tiền và tài nguyên chỉ tập chung ở số ít những nhà tư bản giàu có trong khi người dân nghèo khó ở các nước này vẫn phải chịu những khó khăn về đời sống kinh tế nhưng không được bất cứ một sự hỗ trợ nào. Không chỉ các nước vốn theo chế độ xã hội chủ nghĩa nhận ra sự bất bình đẳng này. Ngay cả trong chính các nước tư bản cũng nhận ra sự bất bình đẳng trong đời sống xã hội mà cũng chính vì vậy đã có những điều chỉnh nhằm cải thiện tình hình như ở Đức đã theo mô hình kinh tế thị trường xã hội mà trong Hiến pháp công hòa liên bang Đức có quy định về việc sở hữu tư nhân nhưng vẫn phải phục vụ cho xã hội. Như vậy, có thể thấy ngay cả trong những nước vốn không theo chế độ xã hội chủ nghĩa cũng nhận ra nhưng nhược điểm cố hữu trong quốc gia của mình và đã khắc phục cải thiện tình hình. Tuy có đã có một số ràng buộc trong nền kinh tế ở Nhà nước thế nhưng họ vẫn không thể khắc phục được hoàn toàn vì xuất phát từ bản chất đề cao chế độ sở hữu tư nhân khi nó chính là nguyên nhân cốt lõi khi các nhà doanh nghiệp tư nhân vẫn kiểm soát các ngành năng lượng quan trọng đối với an ninh quốc gia khiến cho việc bất bình đẳng vẫn diễn ra ở các quốc gia này.

Bên cạnh chế độ sở hữu tư nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa thì chế độ công hữu về tư liệu sản xuất vốn được các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có Việt Nam áp dụng nhằm xây dựng một xã hội công bằng theo học thuyết của Mác-Lênin. Xuất phát từ việc quá đề cao sở hữu tư nhân gây ra bất bình đẳng ở các nước tư bản chủ nghĩa. Các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thấy những nhược điểm này và đã thay đổi nó bằng việc công hữu các tư liệu sản xuất. Điều này đã góp phần xóa bỏ việc người bóc lột người và tập chung vào việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Và đã đạt được

hiều thành tựu lớn trong an sinh xã hội và phát triển công nghiệp. Vào năm 1917 sau khi cuộc cách mạng mười diễn ra thành công Liên bang Xô Viết được thành lập, đây là cuộc cách mạng vĩ đại nhất của thế kỉ XX nhưng vĩ đại hơn nữa đó chính là quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của Liên Xô. Nhờ những chính sách kinh tế kế hoạch hóa tập chung mà trong đó chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đã biến Liên Xô từ một nước có nền công nghiệp lạc hậu trở thành một quốc gia có nền công nghiệp phát triển chỉ trong vòng 20 năm trong khi ở các nước thuộc thế giới phương tây như Anh phải mất 200 năm, Hoa Kỳ phải mất 120 năm để có thể xây dựng được nền công nghiệp hiện đại cho riêng mình.

Không chỉ kinh tế, công nghiệp phát triển mà chính đời sống của nhân dân Liên Xô đã không ngừng được cải thiện. Thấy được những thành tựu trên từ Nhà nước xã hội chủ nghĩa kết hợp với sự tàn phá nặng nề qua hai quốc thế chiến, người dân ở các quốc gia tư bản chủ nghĩa đã không ngừng kêu gọi xuống đường biểu tình cho một xã hội tốt đẹp hơn được dựa trên tư tưởng Mác-Lênin. Để ngăn cho chế độ tư bản không bị sụp đổ, chính quyền các nước này đã buộc phải có những nhượng bộ nhất định đối với người lao động như ban hành các chính sách cải thiện đời sống, an sinh xã hội. Qua đây, có thể thấy chủ nghĩa xã hội đã có những tác động tích cực đến các nước tư bản hay có thể nói một cách khác đó chính là chủ nghĩa tư bản sẽ không trở thành chủ nghĩa tư bản như hiện tại nếu không có sự tác động của chủ nghĩa xã hội.

d. Chế độ quản lý nền kinh tế

Các nguyên tắc quản lý nền kinh tế trong chế độ kinh tế là một trong những quy định nhằm giúp cho Nhà nước kiểm soát việc sản xuất, phân phối hàng hóa trong nền kinh tế quốc dân. Trong nguyên tắc quản lý của nền kinh tế được chia thành hai phương pháp chính.

- Phương pháp mệnh lệnh hành chính: đây là phương pháp vốn được áp dụng đối với nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung bao cấp khi Nhà nước sẽ kiểm soát mọi tư liệu đầu vào của nền sản xuất trực tiếp kiểm soát việc phân phối đầu ra của sản phẩm

và tự mình định giá các loại hàng hóa. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung, Nhà nước sẽ chỉ kiểm soát số lượng các mặt hàng sản xuất nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân và tự mình định giá các mặt hàng này để tạo ra sự công bằng cho mọi tầng lớp trong xã hội. Mặc dù việc kiểm soát bằng mệnh lệnh hành chính theo nền kinh tế thời bao cấp đáp ứng được những mặt hàng tiêu dùng cho người dân nhưng tuy nhiên thì phương pháp quản lý nền kinh tế theo kiểu kế hoạch hóa tập chung chỉ phù hợp trong thời chiến khi nó giúp cho đất nước có thể thu được những nguồn lực quan trọng để đẩy mạnh sản xuất nhằm phục vụ cho chiến tranh còn trong thời bình, phương pháp này sẽ không còn phù hợp mà ngược lại nó sẽ đi ngược lại với quy luật của thị trường mà xuất phát từ việc nhà nước can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất nền kinh tế, đặc biệt là tự mình định giá nền kinh tế khiến cho quy luật thị trường bị phá vỡ từ đây sẽ khiến cho động lực sản xuất sẽ bị sụt giảm nếu như giá cả đầu vào bị tăng lên nhưng không thể tăng được giá bán do bị nhà nước kiểm soát giá cả hàng hóa bán ra. Không chỉ dừng lại ở đó, phương pháp này cũng là nguyên nhân làm giảm động lực phát triển khoa học kỹ thuật khó đổi mới phương thức sản xuất dẫn đến nền công nghiệp sản xuất của quốc gia bị lạc hậu so với thế giới. Có thể nói phương pháp quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh, hành chính có nhiều điểm lợi tuy nhiên có cũng có những nhược điểm khi nó làm kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế cũng như sự phát triển khoa học công nghệ. Việc áp dụng phương pháp này phải phù hợp với tình hình chính trị của quốc gia.

- Phương pháp quản lý nền kinh tế bằng pháp luật dựa trên sự tôn trọng các quy luật của thị trường: đây là phương pháp được đa số các quốc gia trên thế giới áp dụng vào thời điểm hiện nay khi xu thế toàn cầu ngày càng gia tăng nhu cầu hợp tác kinh tế giữa các quốc gia ngày một lớn. Trong phương pháp này có thể hiểu việc Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến lĩnh vực sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Việc quản lý nền kinh tế thông qua việc ban hành các văn bản pháp luật dựa

trên sự tôn trọng các quy luật của thị trường sẽ giúp cho Nhà nước có thể kiểm soát tốt nền kinh tế nhưng đồng thời cũng không can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Điều này sẽ giúp cho nền kinh tế có cơ hội phát triển giải phóng sản xuất, và đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người đồng thời việc quản lý bằng pháp luật cũng sẽ hạn chế những tệ nạn xã hội khi pháp luật sẽ luôn quy định những điều mà các thành phần kinh tế không được phép làm. Không chỉ giải phóng sức mạnh sản xuất và phát huy nội lực kinh tế, Việc quản lý kinh tế bằng pháp luật sẽ giúp cho khả năng cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế được diễn ra một cách công bằng và lành mạnh. Nhờ có sự cạnh tranh, các thành phần kinh tế sẽ không ngừng thúc đẩy nghiên cứu và cải thiện chất lượng sản phẩm với giá thành phải chăng cho người tiêu dùng. Từ đó sẽ giúp cho công nghệ sản xuất sẽ không ngừng phát triển và đổi mới xuất phát từ việc cạnh tranh lành mạnh đó. Có thể thấy rằng, phương pháp quản lý nền kinh tế bằng pháp luật là phương pháp được nhiều quốc gia trên thế giới đang áp dụng trong đó có Việt Nam, điều này đã được quy định rõ trong Hiến pháp năm 2013 nhà nước tăng cường xây dựng thể chế kinh tế dựa trên sự tôn trọng các quy luật thị của thị trường.

1.2. Sự phát triển của chế độ kinh tế của Việt Nam qua các Hiến pháp

Trải qua lịch sử, Hiến pháp của nước ta không ngừng được củng cố và hoàn thiện qua thời gian sao cho phù hợp với tình hình xã hội của quốc gia cũng như biến động của thế giới. sự phát triển chế độ kinh tế ở nước ta gắn liền với các giai đoạn lịch sử quan trọng từ khi Việt Nam xây dựng chế độ kinh tế thời chiến cho đến khi xây dựng nên chế độ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để bước vào thời kỳ hội nhập sâu rộng với thế giới

1.2.1. Chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1946

Do hoàn cảnh, điều kiện lịch sử khi xây dựng bản Hiến pháp năm 1946 nên quy định về chế độ kinh tế chưa được quan tâm trong Hiến pháp 1946. Những nội dung về mục đích, phương hướng phát triển kinh tế, hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế,

cũng như nguyên tắc cơ bản trong quản lý Nhà nước về kinh tế chưa được định hình. Hiến pháp 1946 chỉ có đề cập đến một quyền tư hữu tài sản được quy định tại điều 12. Tuy nhiên, qua nghiên cứu về hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp 1946, có thể thấy mục đích của việc phát triển kinh tế là nhằm đem lại ấm no, hạnh phúc cho người dân như đã được nhắc đến trong tuyên ngôn độc lập. Phương thức phát triển kinh tế để đạt được mục đích trên chưa được định hình và quy định rõ. Các hình thức sở hữu khác nhau đối với tư liệu sản xuất tồn tại, nhiều thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động của nền kinh tế lúc bấy giờ. Trong đó, các nhà tư sản và người lao động riêng lẻ được phép hoạt động mãi cho đến giai đoạn về sau khi có Hiến pháp 1959 và Hiến pháp 1980. Trong chế độ kinh tế của Hiến pháp 1959 và Hiến pháp 1980 có xác định nhiệm vụ phải cải tạo những thành phần kinh tế này.

Trong giai đoạn này, đất nước đang phải trường kì kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược. Xuất phát từ thực tiễn đó, Nhà nước chưa có một quy định chế độ kinh tế một cách rõ ràng, cụ thể. Tuy nhiên, thông qua điều 12 của Hiến pháp đã cho thấy nhà nước vẫn khuyến khích các thành phần kinh tế làm sản xuất theo cơ chế của thị trường, vì lúc này thứ mà chúng ta cần là tập chung nguồn lực cho nền kinh tế thời chiến và việc khuyến khích các thành phần kinh tế sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường sẽ giúp cho việc huy động được nguồn lực tốt hơn vì lúc này thứ chúng ta cần đó là duy trì khả năng tự chủ kinh tế trong cuộc kháng chiến trường kì chống lại thực dân Pháp.

1.2.2. Chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1959

Mục đích của phát triển kinh tế là không ngừng phát triển sức sản xuất nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của Nhân dân. Để đạt được mục đích đó, Hiến pháp 1959 xác định phương hướng phát triển kinh tế là tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên xã hội chủ nghĩa (XHCN) bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo XHCN, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế XHCN với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến.

Về các hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất, Hiến pháp 1959 ghi nhận các hình thức sở hữu của nhà nước, sở hữu tập thể của nhân dân lao động, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư sản dân tộc.

Trên cơ sở ghi nhận các hình thức sở hữu khác nhau đối với tư liệu sản xuất nêu trên, các thành phần kinh tế chủ yếu được xác định là thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế hợp tác xã. Trong đó, thành phần kinh tế quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân và được nhà nước bảo đảm phát triển ưu tiên.

Ngoài hai thành phần cơ bản nói trên, còn có những người lao động riêng lẻ và các nhà tư sản dân tộc cũng tham gia hoạt động kinh tế.

Về phương pháp quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế, Hiến pháp 1959 xác định nhà nước sử dụng phương pháp kế hoạch hóa tập trung bao cấp.

Hiến pháp năm 1959 ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta đang ở trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa cũng như duy trì sự ổn định của nền kinh tế đảm bảo đời sống ấm no cho Nhân dân. Trong thời gian này, đất nước cũng đã bước vào cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai do Mỹ dựng lên ở miền Nam. Để đảm bảo vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc và vừa tập chung vào việc chống sự xâm lược của Mỹ và chính quyền tay sai ở miền Nam, Đảng và Nhà nước ta đã xác định quản lý nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp là phù hợp với tình hình của đất nước ta ở thời điểm đó khi Nhà nước có thể duy trì được sự ổn định phát triển nền kinh tế cho đời sống của nhân dân đồng thời là hậu phương vững chắc để chi viện cho đồng bào ở miền nam chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

1.2.3. Chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1980

Về mục đích và phương hướng phát triển kinh tế, Hiến pháp 1980 xác định mục đích phát triển kinh tế là thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hoá ngày càng tăng của cả xã hội.

Về các hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất và thành phần kinh tế, Hiến pháp 1980 xác định chế độ làm chủ tập thể đối với tư liệu sản xuất, Nhà nước tiến hành cách mạng về quan hệ sản xuất, hướng dẫn, sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, thiết lập và củng cố chế độ sở hữu XHCN về tư liệu sản xuất nhằm thực hiện một nền kinh tế quốc dân chủ yếu có hai thành phần: thành phần kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân và thành phần kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể của Nhân dân lao động. Trong đó, thành phần kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và được phát triển ưu tiên.

Phương pháp quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế, Hiến pháp 1980 xác định nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân theo kế hoạch thống nhất, Nhà nước giữ độc quyền về ngoại thương và mọi quan hệ kinh tế khác đối với nước ngoài.

Hiến pháp 1980 đã xác định mô hình kinh tế của nước ta là mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập chung khi nhà Nhà nước quốc hữu hóa tư liệu sản xuất và nắm tất cả các khâu trong nền kinh tế khi từ sản xuất cho đến phân phối hàng hóa, Nhà nước sẽ định giá mọi loại hàng hóa để mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận. Tuy nhiên, mô hình này đã dần bộc lộ những nhược điểm, nguyên nhân do những vấn đề bên trong và tình hình thế giới lúc này đã có nhiều biến ngày càng có nhiều thay đổi phức tạp.

Vào giữa những thập niên 80 của thế kỉ trước, mô hình kinh tế tập chung của các nước xã hội chủ nghĩa của Liên Xô và các nước XHCN ở khối Đông Âu đã bắt đầu có dấu hiệu cho thấy nhược điểm và có dấu hiệu lỗi thời trong tình hình tại thời điểm đó. Nền kinh tế tập chung đã bắt đầu cho thấy sự trì trệ trong việc phát triển kinh tế, đổi mới công nghệ sản xuất. Ở thời điểm này, cuộc chiến tranh của Liên Xô tại Afganistan (1979-1989) hỗ trợ chính phủ cộng hòa dân chủ Afganistan chống tại lực lượng nổi dậy Mujahideen do đế quốc Mỹ và phương Tây hậu thuẫn. Cuộc chiến này đã có những ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đến nền kinh tế của Liên Xô ở thời điểm đó. Những thất bại của Liên Xô trên chiến trường Afganistan khi nhiều mục tiêu đề ra bị thất bại nặng nề đã khiến cho Liên Xô bị sa lầy tại nơi này suốt từ năm

1979 đến năm 1989 cộng với việc mô hình kinh tế tập chung đã không còn phù hợp trong nền sản xuất Xô Viết khiến cho nền kinh tế của Liên Xô bị thiệt hại nhiều mặt trong đời sống nhân dân.

Chủ nghĩa tư bản vào thời điểm giữa những năm 80 của thế kỉ trước với nền kinh tế thị trường cạnh tranh đã đạt được nhiều thành tựu trong các cuộc cách mạng về khoa học - kĩ thuật. Trong bối cảnh đó, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa buộc phải có những cải cách. Tuy nhiên, những cải cách sai lầm của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu cộng với âm mưu chống phá ngày càng thâm độc của các thế lực thù địch, phản động mà đứng đầu là chủ nghĩa đế quốc khiến cho tình hình các quốc gia này vốn đã trở nên trầm trọng thì ngày càng trở nên trầm trọng. Đảng bắt đầu xa rời quần chúng nhân dân, những vấn đề tiêu cực trong nội bộ của Đảng Cộng sản Liên Xô bắt đầu xuất hiện như nạn quan liêu, tham nhũng cộng thêm việc công tác quản lý cán bộ yếu kém mà điển hình nhất trong số đó là việc đưa một kẻ tội đồ của nhân dân Liên Xô lúc đó là M.Gorbachev trở thành lãnh đạo vào thời điểm và Gorbachev đã thực hiện chính sách tư nhân hóa các ngành sản xuất quan trọng và điều này đã vô tình phá nát cơ cấu quản lý của nền kinh tế đã khiến cho Liên Xô vốn đã trầm trọng thì ngày càng nổi tiếp trầm trọng và kết quả là đã dẫn đến một thảm họa địa chính trị tồi tệ nhất trong lịch sử nhân loại. Thành trì của chủ nghĩa xã hội, thành trì của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới, Người anh cả đỏ Liên Xô chính thức sụp đổ vào năm 1991 để lại cho nhân dân thế giới tiến bộ muôn vàn nuối tiếc.

Tại Việt Nam, năm 1975 khi chúng ta giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, cả nước đã bắt đầu công cuộc xây dựng đi lên chủ nghĩa xã hội. Trải qua những năm đầu của một niềm vui thống nhất, Đảng và Nhà nước ta đã đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị và luôn giữ vững về cách mạng, có sức chiến đấu cao góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên trải qua bao nhiêu năm xây dựng và phát triển, mô hình nền kinh tế kế hoạch ở đất nước ta bắt đầu có những nhược

điểm và đã không còn phù hợp với thời đại. Đất nước ta đã bắt đầu bước vào một thời kì mới, đã không còn ở giai đoạn chiến tranh và bị chia cắt nữa mà là giai đoạn cần thống nhất và phát triển. Trong giai đoạn từ năm 1976 đến năm 1985 đất nước ta do những chủ trương và những chính sách lớn, sai lầm về mặt chiến lược về tổ chức thực hiện. Sự lưu thông hàng hóa trở nên rối ren, lạm phát tăng cao, đời sống nhân dân ngày càng một khó khăn đến nỗi ở một số nơi ở miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng “xé rào”, “khoán chui” tức trao đổi hàng hóa theo kiểu kinh tế thị trường. Nguyên nhân xuất phát từ việc chúng ta vừa mới bước ra từ chiến tranh, thời gian sống trong hòa bình còn ít hơn thời gian bị bom đạn tàn phá. Trong bối cảnh trên thế giới, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã ngày càng phát triển một cách mạnh mẽ cộng với sự hình thành của xu thế toàn cầu hóa, nhu cầu giao thương giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em ở Đông Âu đứng đầu là Liên Xô cũng đang bị khủng hoảng. Năm 1985, Liên Xô thực hiện cuộc cải tổ đứng đầu là M.S. Gorbachev đã bị thất bại. Liên Xô và các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bị lâm vào sự khủng hoảng toàn diện, viện trợ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu cho Việt Nam bắt đầu ít đi trông thấy và chính những điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình trong nước. Những vấn đề nguy cấp trước mắt đã khiến cho Đảng ta nhận thức được rằng chúng ta đang phải đối mặt với vấn đề phát triển kinh tế và nó không còn là bài toán trên chiến trường như trước đây nữa mà là bài toán thực tế trong tình hình hiện tại, đó là bài toán về cơm ăn, áo mặc và những vấn đề liên quan đến việc làm của người dân, là bài toán liên quan đến sự sống còn của quốc gia vậy nên việc thực hiện công cuộc đổi mới ở đất nước ta là một yêu cầu cấp bách và nó mang ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Công cuộc đổi mới ở đất nước ta cũng là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại, là tiền đề để Đảng và Nhà nước ta đi đến đại hội lần thứ VI năm 1986 đổi mới toàn diện. Đảng và Nhà nước ta đã rất dũng cảm khi nhìn thẳng vào sự thật đó là nếu không thay đổi thì đất nước sẽ lâm vào khủng hoảng và sẽ còn tồi tệ hơn Liên Xô rất nhiều.

Từ những nguyên nhân trước mắt Đảng ta đã đi đến một bước ngoặt lịch sử tại đại hội thứ VI năm 1986 khi tiến hành đổi mới toàn diện về chế độ kinh tế, tạo tiền đề cho sự ra đời của hiến pháp năm 1992. Có thể nói rằng thành công của đại hội lần thứ VI năm 1986 không chỉ cho thấy quyết định đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta mà nó còn đến từ những lần “xé rào”, “khoán chui” trước đó của Nhân dân kết hợp với những bài học từ việc cải tổ nóng vội ở Liên Xô dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng đã khiến cho siêu cường đỏ, thành trì của chủ nghĩa xã hội, đại diện cho giai cấp lao động sụp đổ.

1.2.4. Chế độ kinh tế tại Hiến pháp năm 1992 và 2013

Hiến pháp năm 1992 ra đời sau đại hội đại biểu toàn quốc VI năm 1986, Hiến pháp năm 1992 ra đời nhằm khắc phục những thiếu sót trong chế độ kinh tế của Hiến pháp năm 1980 và được điều chỉnh lại sao cho phù hợp với xu hướng toàn cầu của thế giới và đáp ứng trong việc hội nhập quốc tế sâu rộng. Hiến pháp năm 1992 đã xác định mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo điều kiện cho các ngành kinh tế phát triển, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Mục đích phát triển kinh tế là làm cho dân giàu, nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân. Phương hướng phát triển kinh tế là phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp 1992 xác định chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Các thành phần kinh tế được ghi nhận gồm có thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, thành phần kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển, nhất là trong những ngành, lĩnh vực then chốt, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Cơ sở kinh tế quốc doanh được quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Phương pháp quản lý của Nhà nước về kinh tế được Hiến pháp 1992 xác định là nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách.

Chế độ kinh tế trong Hiến pháp 2013 là bản hoàn thiện khắc phục những thiếu sót của Hiến pháp 1992 khi xác định nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa.

Hiến pháp 2013 xác định phương pháp quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế là Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường, thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân.

Hiến pháp 2013 ra đời trong bối cảnh nước ta bắt đầu hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu với việc gia nhập vào các tổ chức thương mại quốc tế như WTO cũng xuất phát từ việc này, chế độ kinh tế ở nước ta cũng phải có những điều chỉnh sao cho bao quát và công bằng, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia kí kết.

Tiểu kết:

Thông qua chương 1, chúng ta có thể nắm được những định nghĩa tổng quan về chế độ kinh tế, những vị trí chức năng của từng bộ phận cấu tạo thành chế độ kinh tế cũng như lịch sử phát triển lịch sử của chế độ kinh tế nước ta thông qua các hiến pháp.

Chương 2:**NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG CHẾ ĐỘ KINH TẾ Ở NƯỚC TA THEO
HIẾN PHÁP 1992 VÀ 2013 SO VỚI HIẾN PHÁP NĂM 1980***Hình 2.1. Bảng so sánh chế độ kinh tế trong Hiến pháp 1992, 2013 so với 1980*

<div>Hiến pháp</div> <div>Chế độ kinh tế</div>	Hiến pháp năm 1980	Hiến pháp năm 1992 và 2013
Chính sách kinh tế	Phát triển nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung dựa trên kỹ thuật khoa học hiện đại, đáp ứng nhu cầu vật chất, văn hóa ngày càng cao của xã hội.	Phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, thúc đẩy giao lưu với thế giới.
Chế độ sở hữu	Sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể.	Đa dạng hình thức (Sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện, sở hữu tư nhân và sở hữu tập thể).
Thành phần kinh tế	Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể.	Nhiều thành phần kinh tế tham gia vào thị trường Kinh tế nhà nước được củng cố, phát triển.
Nguyên tắc quản lý nền kinh tế	Mệnh lệnh hành chính, sản xuất theo chỉ tiêu nhà nước đề ra.	Pháp luật, quản lý dựa trên quy luật thị trường.

2.1. Những điểm mới về chính sách kinh tế

Tại Hiến pháp năm 1980, chế độ kinh tế ở nước ta quy định về phương hướng phát triển kinh tế quốc gia được quy định cụ thể tại điều 15 và điều 16. Cụ thể điều 15 của Hiến pháp quy định:

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ một xã hội mà nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, xây dựng một xã hội có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.

Mục đích chính sách kinh tế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hoá ngày càng tăng của cả xã hội bằng cách không ngừng phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền khoa học, kỹ thuật hiện đại.

Điều 16 của Hiến pháp năm 1980 cũng đồng thời quy định:

Nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Nhà nước ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp trong cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với thiết lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước anh em trong Cộng đồng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi.

Gần 5 năm sau ngày giải phóng miền Nam 30/04/1975 khi đất nước đã nối liền thành một dải, Chúng ta đã bắt tay vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kì này, kinh tế tư nhân bị xóa bỏ hoàn toàn mà thay vào đó là nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung với hai thành phần kinh tế chính đó là kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể, đề cao chế độ sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể. Nhà nước đóng vai trò chỉ huy nền kinh tế, nắm giữ các tư liệu sản xuất, quản lý số lượng sản phẩm được sản xuất ra nhằm đáp ứng nhu cầu của Nhân dân tránh việc sản xuất quá nhiều gây lãng phí. Ngoài ra, Nhà nước tự mình định giá các mặt hàng sản xuất nhằm tránh hiện tượng đầu cơ, tích trữ và kìm hãm kinh tế tư nhân phát triển khiến cho giá hàng hóa lên cao gây ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân, các hàng hóa được sản xuất trong thời kì này được Nhà nước định giá rẻ hơn nhiều so với giá trị thực của chúng trên thị trường. Nhiều người còn ví thời kì này là “mua như cướp, bán như cho”. Trong nền kinh tế bao cấp, thương nghiệp tư nhân bị loại bỏ, hàng hóa được phân phối theo chế độ tem phiếu do Nhà nước nắm toàn quyền điều hành, hạn chế đến thủ tiêu việc mua bán trên thị trường hoặc vận chuyển tự do hàng hóa từ địa phương này sang địa phương khác.

Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch và cấp phát vốn và tư liệu sản xuất cho các thành phần kinh tế sản xuất ra sản phẩm. Sau khi sản xuất và phân phối sản phẩm cho người dân nếu thu được lãi thì Nhà nước sẽ thu vào ngân sách chung của quốc gia và ngược lại nếu bị lỗ thì Nhà nước sẽ bù vào để đáp ứng nhu cầu lương cho người lao động và vốn cho các thành phần kinh tế để phục vụ cho chỉ tiêu sản xuất sắp tới.

Không thể phủ nhận rằng, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung có những ưu điểm của riêng mình cụ thể là nó có thể giúp Nhà nước tập trung nguồn lực vào những ngành công nghiệp quan trọng mà nhà nước đang muốn hướng đến ví dụ như ở Liên Xô vào đầu những thập niên 60 của thế kỉ trước, để đáp ứng cho cuộc chiến tranh lạnh chạy đua vũ khí với Mỹ và chạy đua vào không gian. Liên Xô với nền kinh tế kế

hoạch hóa tập chung đã tập hợp nguồn lực với các kĩ sư, nhà khoa học giỏi nhất vào các lĩnh vực này và kết quả là Liên Xô đã ở vị thế cân bằng với Mỹ thậm trí đã đạt được những thành tựu vượt trội. Những hệ thống vũ khí hiện đại mang tính cách mạng như máy bay ném bom chiến lược TU-22M, Tàu ngầm hạt nhân mang tên lửa đạn đạo lớp Yankee và dòng xe tăng chiến đấu chủ lực hiện đại đó là xe tăng T-64 được sản xuất vào những năm cuối những năm 1960 với thiết kế kiểu dáng công nghiệp vượt thời đại với hệ thống nạp đạn tự động nhanh hơn so với kiểu nạp đạn truyền thống của xe tăng phương Tây đã trở thành mối quan ngại của cường quốc đứng đầu thế giới tư bản. Không chỉ đạt được thành tựu to lớn về xây dựng công nghiệp, trong lĩnh vực chạy đua vào không gian Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu vĩ đại mang tính chiến lược trước Mỹ.



Hình 2.2. Thành tựu vượt bậc của nền công nghiệp quốc phòng Xô Viết vào cuối thập niên 1960, từ trái sang phải: xe tăng chiến đấu chủ lực T-64, máy bay ném bom chiến lược TU-22M3, tàu ngầm hạt nhân lớp Yankee

Tại Việt Nam trong cuộc kháng chiến trường kì chống sự xâm lược của đế quốc Mỹ và chế độ tay sai do Mỹ dựng lên ở miền Nam, Việt Nam đã vận dụng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và chế độ công hữu tư liệu sản xuất để có thể huy động mọi nguồn lực sản xuất nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của Nhân dân trong thời chiến và đồng thời là hậu phương vững chắc khi Nhà nước tập chung nguồn lực sản xuất vũ khí, lương thực, thuốc men y tế để chi viện cho đồng bào miền Nam chống giặc ngoại xâm. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung Nhà nước có thể huy động được mọi nguồn lực cần thiết cho những vấn đề cấp bách như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh. Đây là điều không thể xảy ra được ở nền kinh tế thị trường khi mục đích

cuối cùng của nền kinh tế thị trường đó là lợi nhuận, nơi mà các nhà sản xuất sẽ chỉ tập chung vào lợi ích của riêng mình nên sẽ rất khó để Nhà nước có thể huy động nguồn lực vào những trường hợp cấp thiết của quốc gia.

Tuy nhiên, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung chỉ có thể áp dụng trong trường hợp quốc gia đang bị chiến tranh hay nền kinh tế đang trong giai đoạn khó khăn. Vào những năm 80 của thế kỉ trước, xu thế toàn cầu diễn ra, nhu cầu giao lưu văn hóa và kinh tế giữa các quốc gia là điều cần thiết. Việc áp dụng mô hình của kinh tế kế hoạch hóa tập trung lúc này đã không còn là điều cần thiết kết hợp với các chính sách sai lầm của của nước ta đã dẫn đến tình trạng lạm phát ngày một tăng cao khiến cho đời sống của nhân dân ngày càng một khó khăn mặc dù phương hướng phát triển chế độ kinh tế ở nước ta đó là xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho đời sống của Nhân dân dựa trên nền sản xuất hiện đại, có nền công nghiệp, khoa học kĩ thuật phát triển. Tuy nhiên, tình hình kinh tế ở Việt Nam không giống như tình hình kinh tế ở Liên Xô khi ở Liên Xô đã có một nền tảng khoa học kĩ thuật công nghiệp hiện đại cùng với nguồn nhân lực trình độ cao và dồi dào nên Liên Xô mới có thể đạt được những thành tựu vĩ đại trong công nghiệp quốc phòng và công nghiệp hàng không vũ trụ trong khi tình hình kinh tế ở Việt Nam thì lại khác biệt hoàn toàn. Chúng ta chỉ vừa mới bước ra từ chiến tranh, thời gian sống trong chiến tranh nhiều hơn thời gian sống trong hòa bình. Nền kinh tế của chúng ta chủ yếu là nền kinh tế dựa vào nông nghiệp. Năng suất lao động ít và nền công nghiệp nặng hầu như bắt đầu từ con số không vậy nên áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập chung để hướng đến mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa cải thiện cho đời sống của Nhân dân đã không còn phù hợp với thời kì hòa bình, phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Từ giữa thập niên 1980, trong khi nền kinh tế ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em đang lâm vào khó khăn do cải cách kinh tế thất bại thì cũng là lúc viện trợ cho các nước này với Việt Nam cũng bị giảm đi trông thấy. Trước tình thế cấp

bách, Đảng và Nhà nước ta cũng đã có những quyết định sáng suốt khi nhận thấy rằng việc đổi mới là điều cần thiết và để xây dựng được xã hội chủ nghĩa ở nước ta thì chúng ta cần phải chấp nhận một số quy luật tự nhiên của nền kinh tế thị trường và quy luật của giá trị hàng hóa. Tổng bí thư Lê Duẩn là người đầu tiên đã nhìn thấy được điều này từ rất lâu tuy nhiên để thay đổi được ngay tại thời điểm đó là điều rất khó vì không phải ai cũng nhìn ra được những hạn chế của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và điều này khiến cho thay đổi suy nghĩ của một con người đã khó thay đổi suy nghĩ của hàng nghìn người còn khó hơn rất nhiều thậm trí nó còn liên quan đến ý kiến các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Thay vào đó, Tổng bí thư Lê Duẩn đã thực hiện sự thay đổi đó một cách thận trọng, không nóng vội, đó chính là quy định chế độ sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện. Đây chính là động lực chính để Đảng và Nhà nước ta đi đến đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI năm 1986 khi đã trực tiếp nhìn thẳng vào sự thật và đã đi đến quyết định đổi mới chế độ kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo tiền đề cho sự ra đời của Hiến pháp năm 1992.

Mặc dù đổi mới sang nền kinh tế thị trường và đổi mới nguyên tắc quản lý nền kinh tế là điều cấp thiết cần phải làm, xong để thực hiện điều đó không hề dễ dàng vì sẽ không có một sách vở nào để hướng dẫn chúng ta thực hiện những điều đó. Tại Liên Xô việc cải tổ kinh tế ở quốc gia này đứng đầu là M.Gorbachev đã thực hiện những chính sách sai lầm, bên cạnh việc sai lầm trong việc cải tổ chính trị sang đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập dẫn đến việc xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô khiến cho bất ổn chính trị tại quốc gia này ngày một gia tăng thì một vấn đề tai hại khác mà M.S Gorbachev đã làm đó chính là cải tổ chế độ kinh tế sang kinh tế thị trường tự do khi đã tư nhân hóa các ngành, lĩnh vực sản xuất quan trọng mang tính sống còn đối với an ninh của quốc gia một cách nhanh chóng và ồ ạt. Các nhà tư bản và các thế lực thù địch bên ngoài, cơ hội chính trị đã nhân cơ hội này đã chiếm

hữu các ngành sản xuất quan trọng như dầu khí, mặt hàng cơ bản nhất mang tính sống còn đối với an ninh của một quốc gia.

Việc cải tổ nền kinh tế một cách nóng vội của M.S Gorbachev đã phá vỡ cơ cấu quản lý của Liên Xô khi không chỉ thành quả của Nhà nước và Nhân dân Liên Xô đã cùng nhau xây dựng lên bị các nhà tài phiệt ăn cướp một cách trắng trợn mà nó còn khiến cho các phương hướng quản lý nền kinh tế của Liên Xô bị phá vỡ. Các nhà tư bản trong và ngoài nước đã chiếm giữ các ngành sản xuất, khai khoáng quan trọng và lũng đoạn nền kinh tế khiến cho đời sống xã hội của nhân dân Liên Xô vốn đã khó khăn thì giờ càng thêm khó khăn hơn rất nhiều.

Rút kinh nghiệm từ bài học thất bại trong công cuộc cải tổ kinh tế của Liên bang Xô Viết, Đảng và Nhà nước ta đã xác định công cuộc đổi mới sẽ diễn ra một cách thận trọng và có nguyên tắc. Thay vì tư nhân hóa các ngành sản xuất quan trọng như công cuộc cải tổ ở Liên Xô thì tại đại hội lần thứ VI năm 1986, chúng ta đã quy định rằng dần dần sẽ xuất hiện các thành phần tư nhân tham gia vào nền kinh tế. Điều này có thể hiểu rằng Đảng và Nhà nước ta sẽ vẫn giữ nguyên các ngành sản xuất quan trọng để đảm bảo cho an ninh kinh tế của quốc gia nhưng cũng đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Đây cũng chính là những điểm mới về chế độ kinh tế quy định trong Hiến pháp năm 1992 và trải qua quá trình xây dựng hoàn thiện trong chế độ kinh tế tại Hiến pháp 2013

Chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và 2013 có nhiều đổi mới trong phương hướng phát triển kinh tế, chế độ sở hữu và phương hướng quản lý nền kinh tế. Đầu tiên đó chính là chính sách quy định về phương hướng phát triển nền kinh tế, đặc biệt trong Hiến pháp năm 2013 đã được quy định như sau:

Điều 50.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn

hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đồng thời, điều 51 của Hiến pháp 2013 cũng quy định

Điều 51.

1. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

2. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.

3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa.

Trong Hiến pháp năm 2013, phương hướng phát triển kinh tế đã được Đảng và Nhà nước ta quy định rõ ràng là phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và theo cơ chế thị trường có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần tức là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa với việc quy định thêm chế độ sở hữu tư nhân bên cạnh chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Điều này nhằm mục đích giải phóng sản xuất, lưu thông hàng hóa. Sau khi chúng ta hoàn thành thống nhất đất nước sau hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, chúng ta đã duy trì quá lâu một nền kinh tế tập trung bao cấp mà ở đó nền kinh tế chủ lực là kinh tế Nhà nước. Điều đó có nghĩa là Nhà nước nắm giữ nguyên vật liệu sản xuất và nhà nước định giá và sản xuất hàng hóa theo kế hoạch tạo sự độc quyền và chính điều này làm triệt tiêu động lực phát triển, đổi mới công nghệ sản xuất và nó đã không còn phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ ở thời điểm đó vì như

đã trình bày, xu thế toàn cầu hóa đã được hình thành và nhu cầu giao thương, giao lưu văn hóa giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng lớn. Xuất phát từ tình hình cấp bách của nền kinh tế ở nước ta, Đảng và Nhà nước ta buộc phải tìm ra một mô hình kinh tế phù hợp với sự phát triển của xu thế toàn cầu và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là câu trả lời.

Từ những thực tiễn cấp bách đó, Đảng và Nhà nước ta đã chính thức xóa bỏ chính sách kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp và thay vào đó là một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và lần đầu tiên chúng ta chấp nhận một nền kinh tế hàng hóa có nhiều thành phần. Một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tức là nền kinh tế hoạt động theo quy luật của thị trường nhưng có sự giám sát và quản lý chặt chẽ bởi Nhà nước. Nếu như chính sách kinh tế trước đây trong Hiến pháp 1980 quy định cấm việc giao thương, buôn bán hàng hóa theo kiểu cơ chế thị trường vì cho rằng hành vi đó là bóc lột sức lao động của Nhân dân thì ngày nay đã được nhìn nhận một cách đúng đắn khi Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp 2013 đã chấp nhận cả thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào nền kinh tế đã thể hiện sự coi trọng các thành phần kinh tế này, điều mà Hiến pháp năm 1980 không có. Diễn hình trong Hiến pháp năm 2013, chính sách kinh tế còn quy định Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tư nhân phát triển và là một phần quan trọng để trong nền kinh tế quốc dân. Điều này là rất hợp lý vì nền kinh tế thị trường có ưu điểm đó chính là khả năng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh và nó sẽ giúp cho công nghệ sản xuất, cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại, người dân sẽ có nhiều sự lựa chọn hơn đối với hàng hóa tiêu dùng và nền kinh tế của một quốc gia sẽ phát triển, đời sống của dân chúng sẽ không ngừng được cải thiện kết hợp với sự quản lý và giám sát chặt chẽ từ Nhà nước sẽ tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh doanh. Điều này khác hoàn toàn với nền kinh tế thị trường ở các nước tư bản chủ nghĩa khi sự quản lý của chính phủ ở các quốc gia này không được chặt chẽ kết hợp với chế độ đa nguyên, đa đảng đã để cho một số các tập đoàn tư nhân

dùng tiền để lũng đoạn thị trường thậm chí là cả về chính trị để phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tài phiệt, sự phân hóa giàu nghèo ở các nước này ngày càng một rõ rệt. Còn ở Việt Nam, các tập đoàn tư nhân được sinh ra để phục vụ cho nền kinh tế chung của đất nước, những ngành công nghiệp liên quan đến an ninh của quốc gia như ngành công nghiệp về năng lượng, các tài nguyên khoáng sản của quốc gia vẫn nằm trong sự kiểm soát của các doanh nghiệp nhà nước. Với lợi thế chỉ có một Đảng lãnh đạo và giám sát nền kinh tế, các tập đoàn tư nhân không thể nào lũng đoạn thị trường cũng như lũng đoạn chính trị và chính vì thế Đảng và Nhà nước ta có thể bảo vệ được đời sống của người dân lao động và các tầng lớp yếu thế khác trong xã hội khỏi bị áp bức bóc lột. Mặc dù đều áp dụng nền kinh tế thị trường xong giữa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa vẫn có sự khác nhau ở mục tiêu cuối cùng. Mục tiêu cuối của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đó là lợi nhuận trong khi mục tiêu cuối cùng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phục vụ cho đời sống của con người và lợi nhuận chỉ là một phương tiện để đạt được những điều đó. Đây là một ưu điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu cuối cùng của nó là mục tiêu nhân văn khi nó phục vụ cho đời sống chung của mọi người chứ không phải là lợi nhuận chảy vào túi tiền của các tập đoàn tư nhân.

Hiến pháp năm 2013 cũng đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn về mục tiêu trong chính sách kinh tế mà chúng ta hướng đến đó là xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập, hợp tác sâu rộng với quốc tế. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ tránh bị phụ thuộc vào bên ngoài cũng như phát huy nội lực bên trong của nền kinh tế nhưng chủ động hợp tác, hội nhập sâu rộng với thế giới để tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ của nhân loại để đem về áp dụng vào nền kinh tế ở nước ta, giúp cho đất nước của chúng ta không bị tụt hậu so với sự phát triển chung của thế giới. Đồng thời, văn hóa cũng là một yếu tố không thể thiếu trong việc phát triển chế độ kinh tế ở nước ta khi nó là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển đất nước.

Thực tế, đã có rất nhiều quốc gia xây dựng thành công nền kinh tế của mình thế nhưng đổi lại đó là các quốc gia đó dần mất đi bản sắc văn hóa của riêng mình. Mặc dù ở vẻ bề ngoài, các quốc gia này có một nền kinh tế thị trường phát triển, có một nền công nghiệp, công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, ẩn sâu trong vỏ bọc hào nhoáng đó thực chất văn hóa của họ đã dần bị phai mờ và chịu sự kiểm soát của các nước lớn thông qua văn hóa. Rút kinh nghiệm từ sai lầm của các quốc gia đi trước, Đảng và Nhà nước ta đã có những quyết định đúng đắn khi việc phát triển nền kinh tế thị trường nhưng vẫn phải đảm bảo gắn chặt chẽ với các giá trị văn hóa của dân tộc, những giá trị nhân văn và công bằng xã hội, tạo nên bản sắc riêng cho đất nước và góp phần nâng cao thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh các yếu tố độc lập, tự chủ hội nhập thì một yếu tố khác cũng đã được nêu rõ trong Hiến pháp 2013 đó là thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây cũng chính là mục đích cuối cùng mà Đảng và Nhà nước ta hướng tới. Có thể nói rằng các ngành công nghiệp nặng là một yếu tố không thể không nhắc đến nếu muốn xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững. Trải qua các cuộc cách mạng công nghiệp, nhân loại đang ngày càng nâng cao công nghệ sản xuất nhằm phục vụ cho đời sống của con người, các ngành công nghiệp nặng đã đóng một vai trò quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống của con người, là chìa khóa giúp một quốc gia trở thành cường quốc. Nếu ví nền kinh tế của một quốc gia giống như cơ thể sống của một con người thì các ngành công nghiệp nặng đóng một vai trò giống như xương sống của nền kinh tế còn tài chính sẽ là mạch máu để nuôi dưỡng những khúc xương đó. Có thể nói, công nghiệp sản xuất, chế tạo chính là chìa khóa để đưa đất nước của chúng ta trở thành một cường quốc trong tương lai gần hoặc ít nhất đó chính là duy trì sự ổn định của một quốc gia nếu trong trường hợp nền kinh tế thế giới bị lâm vào khủng hoảng hoặc bị các nước thù địch cấm vận. Không phải tự nhiên Triều Tiên có thể tự mình tồn tại bất chấp bị các nước phương Tây cô lập, hay như Iran vẫn có thể tự duy trì nền kinh tế của mình mặc dù bị húng

chịu nặng nề các lệnh trừng phạt từ các nước thuộc thế giới phương Tây và các nước chư hầu của họ hay thậm chí là Nga khi họ là một trong những quốc gia bị phương Tây áp đặt lệnh trừng phạt nhiều nhất. Điểm chung của các nước này đó chính là họ có một nền tảng công nghiệp nặng về sản xuất, chế tạo, khai khoáng khá bài bản và cơ sở nghiên cứu khoa học phát triển. Tuy nhiên, còn nhiều yếu tố khác quyết định như tài nguyên thiên nhiên hay tài chính... Thế nhưng những điều vừa nêu ở trên chính là minh chứng rõ nét cho việc các nền công nghiệp nặng đóng một vai trò cực kì quan trọng trong nền kinh tế và đây chính là lý do Đảng và Nhà Nước ta có những chính sách khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp góp phần xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia có một nền công nghiệp toàn diện trong tương lai gần. Việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ là nền móng vững chắc để Nhà nước có thể xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập trước những biến động khó lường của thế giới. Vấn đề về bảo vệ môi trường cũng được nhắc đến trong Hiến pháp năm 2013 khi môi trường là một trong những yếu tố thuận lợi để Nhà nước có thể xây dựng nền kinh tế một cách bền vững, là nền móng vững chắc để chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn đã cho thấy kể từ khi đổi mới từ kinh tế kế hoạch hóa tập chung sang kinh tế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế trong xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng. Kể từ sau khi đổi mới chế độ kinh tế bắt đầu từ Hiến pháp năm 1992 từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung sang nền kinh tế thị trường, sau 36 năm đổi mới và phát triển và không ngừng hoàn thiện, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế, đời sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Nếu như so sánh về GDP của quốc gia, tất nhiên chúng ta sẽ không thể nào sánh được với những quốc gia tư bản có nền kinh tế phát triển như Mỹ hay các nước Liên minh Châu Âu vì các nước này đã tồn tại từ rất lâu và đã trải qua những quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa theo thời gian. nhưng nếu như chúng ta so sánh với các nước tư bản khác có cùng mức phát triển kinh tế như Việt Nam thì có thể nhận thấy

chúng ta đang phát triển rất nhanh chóng. Một ví dụ để so sánh đó chính là Phillipines. Trước đây khi đổi mới, đất nước chúng ta còn gặp nhiều khó khăn do sự cấm vận và là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới, lạm phát thì luôn ở mức 2 con số và kém xa cả các nước trong khu vực như thì ngày nay đã đuổi kịp được với các nước trong khu vực Asean. Theo dữ liệu của ngân hàng thế giới World Bank, quy mô nền kinh tế nước ta đã đạt 346,62 tỷ USD vào năm 2020 bất chấp những khó khăn của đại dịch Covid 19, vượt qua Singapore và Malaysia, đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á sau Indonesia, Thái Lan và Phillipines. Thậm chí nếu so sánh bằng GDP thu nhập bình quân đầu người, chúng ta đã đạt được một thành tựu mới đó là vượt qua Philipines với con số 3500 USD so với Philipines là 3372 USD theo số liệu năm 2020 của quỹ tiền tệ quốc tế IMF. Thành tựu này xuất phát từ việc Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách đúng đắn trong phát triển kinh tế khi đã phát triển nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế tạo sự cạnh tranh cao trên thị trường. Bất chấp những sự xuất hiện của đại dịch Covid 19 và cuộc xung đột lớn nhỏ giữa các quốc gia cũng như sự cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng một gia tăng làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của các nước trong khu vực cũng như trên toàn cầu. Với những chính sách ngăn chặn dịch và chính sách tiêm chủng một cách hiệu quả cũng như những chính sách về an ninh lương thực, chúng ta đã không bị ảnh hưởng nhiều và đất nước vẫn giữ vững mức tăng trưởng kinh tế ổn định. Nếu như những thập niên 80 của thế kỉ trước chúng ta đã để cho lạm phát tăng phi mã quá nhanh thì cho đến nay chúng ta cũng đã kìm chế được một bước đà lạm phát. Đời sống của nhân dân ngày càng được ổn định và cải thiện và chúng ta đã dần thoát được khỏi những khó khăn tạm thời trước mắt và bắt đầu một giai đoạn mới, giai đoạn của phát triển, hội nhập sâu rộng với quốc tế.

Bên cạnh đó về các thành tựu khoa học công nghệ, nhờ những chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước, chúng

ta cũng đã đạt được nhiều thành tựu khoa học công nghệ kể từ sau khi đổi mới diện hình như:

- Nông nghiệp: thành tựu của các chuyên gia khi đã chọn và sáng chế ra các giống lúa mới có khả năng chống chịu với sự khắc nghiệt của khí hậu ở Việt Nam đã giúp cho nông dân trong vùng có điều kiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng lực sản xuất và hiệu quả về chất lượng góp phần xây dựng nền kinh tế của quốc gia và đảm bảo về nguồn an ninh lương thực.

- Y học: chúng ta cũng đã thành công trong việc sản xuất vắc xin phòng bệnh cho trẻ em cũng và gần đây nhất chúng ta cũng đã thành công trong việc ghép tạng người.

- Công nghệ điện tử: Đảng và Nhà nước ta đang có những chính sách phát triển công nghệ sản xuất chất bán dẫn và khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân tham gia hợp tác phát triển. Fpt Semiconductor đã sản xuất thành công con chip vi mạch đầu tiên tạo tiền đề để công nghiệp sản xuất chip bán dẫn phát triển ở Việt Nam và đảm bảo an ninh nguồn cung chất bán dẫn tại Việt Nam trong bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động

- Công nghiệp sản xuất ô tô: kể từ khi đổi mới, lần đầu tiên trong lịch sử chúng ta đã có một thương hiệu xe hơi của riêng mình như Vinfast, đưa Việt Nam chúng ta vào danh sách các nước sản xuất ô tô trên thế giới.

- Công nghiệp hàng không vũ trụ: một trong những thành tựu gần đây của Việt Nam khi có những chính sách hấp dẫn, thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài đó chính là có được nhà máy sản xuất động cơ máy bay đầu tiên của tập đoàn Hanwha, Hàn Quốc. Điều này đã đánh dấu sự mở đầu của ngành công nghiệp hàng không vũ trụ ở Việt Nam và thông qua các nguồn đầu tư từ nước ngoài, Việt Nam có thể tranh thủ tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ sản xuất từ nước ngoài và phát huy nội lực của nền kinh tế

Những nội dung trên đã cho thấy những điểm mới về chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong Hiến pháp 2013 cho thấy sự đúng đắn tạo sự vững chắc về một tương lai tươi sáng của đất nước ta trong bối cảnh nền kinh tế của các quốc gia khác đang bị chững lại sau đại dịch Covid 19 và các cuộc xung đột lớn nhỏ, cạnh tranh giữa các nước lớn trên toàn cầu.

Tuy nhiên, một số thế lực thù địch không ngừng xuyên tạc về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong đó bọn chúng có xuyên tạc rằng: *“Không có cái gọi là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” hay “nền kinh tế thị trường là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản và việc gắn ghép nền kinh tế thị trường với chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta chả khác gì như kết hợp nước với lửa và sẽ không bao giờ có thể phù hợp với nhau”*. Đây là một sự xuyên tạc trơ trẽn, trắng trợn và ngộ nhận một cách ấu trĩ. Nó thể hiện một mưu đồ đen tối của các phần tử phản động, thù địch nhằm gây mất niềm tin, hoài nghi của một bộ phận cán bộ Đảng viên, Nhân dân thậm trí là thế hệ trẻ. Nhưng bọn chúng không hề có bất cứ một cơ sở nào để chứng minh cho điều đó. Chúng ta cần làm sáng tỏ rằng thứ nhất, nền kinh tế thị trường mặc dù phát triển mạnh mẽ ở các nước tư bản nhưng nó không phải do chủ nghĩa tư bản phát minh ra mà đây là thành tựu chung của nhân loại. Quy luật của thị trường là một quy luật tự nhiên vốn đã tồn tại từ rất lâu trong thế giới này. Trong các giai đoạn phát triển kinh tế của nhân loại, khi lưu thông, phân phối hàng hóa, loài người đã phát hiện ra quy luật thị trường.

Thứ hai, về lịch sử ra đời của đồng tiền cũng đã chứng tỏ rằng nền kinh tế thị trường xuất hiện từ nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa người với người. Thị trường là nơi xuất hiện nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa người mua và người bán. Mầm mống của kinh tế thị trường bắt đầu xuất hiện vào chế độ chiếm hữu nô lệ và hình thành trong xã hội phong kiến. Điều đó có nghĩa là nền kinh tế thị trường đã xuất hiện từ rất lâu trước cả khi chủ nghĩa tư bản được hình thành. V.I. Lenin cũng đã từng nói: *“Một người bị nện một trận thì bằng hai người chưa bị nện trận nào. Chúng ta đã xưng*

đáng như thế trong lĩnh vực quân sự. Còn về mặt buôn bán, đáng tiếc là những người cộng sản chúng ta mới bị người ta nện ít thôi, nhưng tôi mong rằng trong tương lai gần đây, khuyết điểm đó cũng sẽ được sửa và cũng với thắng lợi như thế". Điều này có thể hiểu rằng Lenin lúc đó chưa tìm ra được một mô hình kinh tế phù hợp và người hi vọng rằng một ngày nào đó, thế hệ sau sẽ tìm ra được câu trả lời. Đồng thời chính Lenin đã nhận ra những sai lầm nóng vội khi trong khi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và đã kịp thời khắc phục nó bằng cách đề ra chính sách kinh tế mới NEP (New Economic Policy) để nước Nga Xô Viết chính thức chấp nhận phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và chính thức đi vào nền kinh tế thị trường. Đó chính là những cơ sở lý luận vững chắc để Đảng và Nhà nước ta có quyền áp dụng những ưu điểm của nền kinh tế thị trường một cách có chọn lọc và trên thực tế có rất nhiều mô hình kinh tế thị trường tiên bộ khác trên thế giới điển hình là mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội của Đức hay kinh tế nhà nước phúc lợi ở Thụy Điển. Một ví dụ thực tế khác đó chính là Trung Quốc, quốc gia có cùng thể chế chính trị với nước ta. Chỉ trong vòng 45 năm kể từ khi cải cách đổi mới từ năm 1978 cho đến hiện tại, Trung Quốc đã nhanh chóng trở thành một nước công nghiệp hiện đại. Đồng thời, Trung Quốc cũng đã thoát được cái bóng của phương Tây và vươn lên trở thành một cường quốc với nền kinh tế và sức mạnh quân sự đứng lần lượt là thứ hai và thứ ba trên thế giới, cạnh tranh trực tiếp với Mỹ. Qua đây đã chứng minh được rằng, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một lựa chọn đúng đắn, là một đột phá lý luận của Đảng ta trong thời kì đổi mới.

Bên cạnh đổi mới về chính sách kinh tế sang cơ chế thị trường là việc thực hiện các chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn và khai thác công nghệ. Điều này sẽ giúp chúng ta thu hút được các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài cũng như tiếp thu được những công nghệ hiện đại, các doanh nghiệp sẽ có cơ hội hợp tác đào

tạo ra nguồn lao động chất lượng phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế và có thêm được nhiều thị trường xuất khẩu mới.

2.2. Những điểm mới về thành phần kinh tế

Với việc Hiến pháp năm 1992 và năm 2013 đã thừa nhận sự tồn tại của mô hình kinh tế thị trường thì cả hai Hiến pháp cũng đã thừa nhận thành phần kinh tế ngoài nhà nước được tham gia vào nền kinh tế quốc dân. Diễn hình trong Hiến pháp năm 2013 đã có quy định chứng minh rằng Nhà nước ngày càng coi trọng hơn đối với sự phát triển của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước qua việc Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế này ngày càng phát triển.

Đây là một điều rất đúng đắn mang tính quan trọng của Đảng và Nhà nước vì như đã trình bày ở trên, trước đây trong Hiến pháp 1980 chúng ta luôn có một cái nhìn tiêu cực về các thành phần kinh tế này khi cho rằng đây là những thành phần kinh tế gây ra sự lũng đoạn và bất bình đẳng xã hội, là nguồn cơn của sự bóc lột sức lao động của nhân dân thì hiện nay, Hiến pháp 2013 đã có một cái nhìn đúng đắn hơn đối với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước. Một quốc gia mạnh không chỉ đơn giản là có một nền công nghiệp bài bản và một nền sản xuất lớn mà quốc gia đó cần phải có một nền kinh tế thị trường có khả năng cạnh tranh một cách lành mạnh đó chính là cơ sở để tạo điều kiện gián tiếp cho sự phát triển khoa học công nghệ của quốc gia đó. Khi các thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào thị trường sẽ tạo ra những động lực sản xuất to lớn khi tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân. Không những thế, khi áp dụng chính sách trả lương theo cơ chế thị trường thì các doanh nghiệp này sẽ có những quy định trả lương riêng cho người lao động khi lương của họ sẽ phụ thuộc vào kết quả sản xuất của doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp cho động lực sản xuất đi lên, đời sống của người lao động sẽ không ngừng được cải thiện và thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của người dân ngày một tốt hơn. Ngoài ra, trước đây trong Hiến pháp 1980 khi chỉ thừa nhận thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể khi cả hai thành phần kinh tế này đều phải nhận sự chỉ huy trực tiếp từ Nhà nước.

Đây chính là một nhược điểm ở các nước vốn áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập chung theo kiểu Liên Xô trước đây đặc biệt là đối với Liên Xô. Theo bộ phim tài liệu mùa đông 1991 phân tích về nguyên nhân dẫn đến sự kiện Liên Xô sụp đổ được xuất bản năm 2021 cho biết thực tế trước khi cải cách mô hình kế hoạch hóa theo kiểu kế hoạch hóa tập chung, Liên Xô có hơn 100.000 tổ chức kinh tế hợp tác xã lớn nhỏ khác nhau và các hợp tác xã này vẫn có khả năng tự chủ trong sản xuất khi họ không bị quốc hữu hóa toàn bộ và có ngân sách, cơ chế trả lương riêng cho người lao động. Tuy nhiên đến giữa những năm 1960 các tổ chức kinh tế này đã bị quốc hữu hóa hoàn toàn và bị gộp vào các tổ chức kinh tế nhà nước có quy mô sản xuất rất lớn của Nhà nước Liên Xô. Thậm chí cơ chế trả lương cho người lao động lúc đó đều trả bằng nhau kể cả khi kết quả về năng suất của người lao động rất cao. Điều này không chỉ dẫn đến việc triệt tiêu động lực sản xuất khi số lượng hàng hóa mà Liên Xô sản xuất ra thì ngày càng lớn thế nhưng đồng lương của người lao động không thay đổi mà còn khiến cho ngân sách nhà nước của Liên Xô ngày càng một áp lực hơn khi phải sản xuất nhiều loại hàng hóa khác nhau nhiều gấp 10 lần để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Ví dụ trên chính là một nhược điểm lớn khi loại bỏ kinh tế tư nhân trong chế độ kinh tế, tạo ra sự trì trệ trong toàn bộ nền sản xuất quốc gia.

Rút kinh nghiệm từ những nhược điểm đó tại Việt Nam, việc Hiến pháp năm 1992 và 2013 đã thừa nhận và khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia sản xuất. Điều này không chỉ giúp cho động lực sản xuất được giải phóng mà nó còn giúp giảm bớt áp lực từ ngân sách nhà nước khi đã có những thành phần kinh tế khác đảm nhiệm những lĩnh vực thiết yếu cho người dân và giúp cho Nhà nước có thể dành ngân sách cho những lĩnh vực khác quan trọng hơn cho quốc gia. Thực tiễn cho thấy kể từ khi xuất hiện các thành phần kinh tế ngoài nhà nước bao gồm cả các thành phần kinh tế có vốn đầu tư từ nước ngoài, GDP của nước ta tăng trưởng rất nhanh từ mức 6,3 tỷ USD năm 1989 lên đến 346 tỷ USD vào năm 2020. Thành quả này có được là nhờ sự đóng góp lớn từ các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Theo sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022, kể từ khi thực hiện đổi mới tính đến năm 2020, cả nước đã có 660.055 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 22.242 doanh nghiệp có vốn đầu tư từ nước ngoài đang hoạt động rất tích cực và đóng góp rất lớn cho ngân sách quốc gia.

2.3. Những điểm mới về chế độ sở hữu

Chế độ sở hữu cũng chính là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới triệt tiêu động lực sản xuất khi Nhà nước thực hiện chế độ quốc hữu hóa tư liệu sản xuất quy định tại Hiến pháp năm 1980. Nhà nước độc quyền tư liệu sản xuất đồng nghĩa với việc động lực để phát triển khoa học kỹ thuật đổi mới sản xuất bị kìm hãm khi chỉ có một nhà phân phối. Đây cũng chính là những sai lầm đối với nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô. Khi việc độc quyền trong tư liệu sản xuất khiến cho nạn quan liêu diễn ra trầm trọng vào những năm 80 của thế kỉ trước. Việc quốc hữu hóa tư liệu sản xuất khiến cho động lực cạnh tranh bị giảm và các nhà cầm quyền không muốn tiếp tục đổi mới và phát triển vì họ không muốn bị mất thế đặc quyền. Các hội nghị khoa học ở Liên Xô bị hoãn hết lần này đến lần khác. Tại thời điểm đó, nền sản xuất Xô Viết đã không quan tâm đến việc phát triển khoa học, đổi mới quan hệ sản xuất để tối ưu chi phí sản xuất mà họ chỉ quan tâm đến việc sản lượng hàng hóa được sản xuất được, mở rộng nhà xưởng sản xuất, nhận được bao nhiêu đầu gia súc. Trong khi việc quốc hữu hóa tư liệu sản xuất ở Liên Xô làm hạn chế sự cạnh tranh để phát triển thì các nước tư bản với nền kinh tế thị trường cạnh tranh đã đạt được những thành tựu khoa học kỹ thuật mang tính vượt bậc khi người Nhật đã sáng chế ra thiết bị phun xăng điện tử trên các loại xe ô tô, giúp một chiếc ô tô có thể chạy với một quãng đường dài với một lượng xăng tối thiểu. Người Mỹ đã sáng tạo chiếc máy tính điện tử đầu tiên trên thế giới và đặc biệt là con chip xử lý thông tin, mở ra một chương mới trong lịch sử nhân loại, là tiền đề cho thương mại điện tử phát triển sau này. Việc phát triển khoa học công nghệ ở các nước tư bản chủ nghĩa đã giúp cho nền khoa học công nghệ của các quốc gia này phát triển mạnh mẽ,

đổi mới sản xuất. Việc áp dụng khoa học công nghệ ở các nước này giúp cho chi phí sản xuất sản phẩm đã được tối ưu hóa hơn rất nhiều.

Có thể thấy rằng sự độc quyền trong tư liệu sản xuất ở Liên Xô đã dẫn đến sự trì trệ trong phát triển khoa học và đổi mới công nghệ sản xuất. Có thể nói họ đã bỏ qua một giai đoạn phát triển mới để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thay vì chọn con đường phát triển khoa học công nghệ để đổi mới công nghệ sản xuất, giới lãnh đạo của Liên Xô đã chọn con đường sản xuất quy mô lớn, không chủ động bắt kịp cuộc cạnh tranh khoa học công nghệ lần thứ ba và việc Liên Xô đã bị Mỹ và các nước tư bản bỏ xa trong việc chạy đua về phát triển khoa học công nghệ là điều tất yếu. Nguyên nhân xuất phát từ chính việc quốc hữu hóa tư liệu sản xuất đã dẫn đến triệt tiêu động lực cạnh tranh trong nền sản xuất Xô Viết là một trong những nguyên nhân dẫn đến thảm họa địa chính trị lớn nhất trong lịch sử nhân loại vào mùa đông năm 1991 khi cả một thành tựu khoa học, công nghiệp đồ sộ xây dựng trong nhiều năm nhưng sụp đổ trong một thời gian ngắn khiến cho nhiều người cảm thấy muôn vàn nuối tiếc.

Tại Việt Nam, rút kinh nghiệm từ những mặt hạn chế về chế độ sở hữu trong Hiến pháp năm 1980, trải qua quá trình xây dựng Hiến pháp 1992 và không ngừng hoàn thiện, chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều những điểm mới mẻ khi thực hiện đa dạng sở hữu về tư liệu sản xuất nhiều hình thức sở hữu khác nhau, trong đó có cả sở hữu tư nhân và đồng thời, Hiến pháp 2013 cũng quy định về việc các tài sản của các thành phần kinh tế được Nhà nước bảo hộ và sẽ không bị quốc hữu hóa. Điều này sẽ giúp các thành phần kinh tế có thể an tâm làm ăn và đây chính là cơ sở để xây dựng một nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh một cách lành mạnh. Thông qua sự cạnh tranh, các thành phần kinh tế sẽ phải luôn cải thiện sản phẩm của mình thông qua việc đổi mới phương thức sản xuất và điều này sẽ gián tiếp giúp cho khoa học kỹ thuật không ngừng phát triển nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, cải thiện chất lượng sống của nhân dân.

Mặc dù chúng ta phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đa dạng hình thức sở hữu nhưng chúng ta vẫn giữ lại một số ngành lĩnh vực quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia cụ thể điều 53 và khoản 2 điều 54 trong Hiến pháp năm 2013 đã quy định:

Điều 53:

Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Điều 54:

Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật. Quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.

Đất đai luôn là tài sản thiêng liêng quý giá của quốc gia, việc quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện thống nhất quản lý thể hiện tính xã hội chủ nghĩa khi quyền sử dụng đất đai của Nhân dân sẽ được Nhà nước bảo hộ và điều này đã thể hiện rõ tính xã hội chủ nghĩa khi đã khẳng định quyền làm chủ của người dân đối với đất đai và tài nguyên khoáng sản của quốc gia và có sự thống nhất quản lý của Nhà nước. Điều này không những góp phần khuyến khích, tạo điều kiện cho các cá nhân tổ chức làm ăn để xây dựng nền kinh tế, của cải vật chất để góp phần thực hiện xây dựng kinh tế tự chủ đem lại nguồn thu nhập cho Nhà nước và chính người dân. Việc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện còn bảo vệ đất nước khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài nhằm bảo vệ chủ quyền của quốc gia.

Việc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện thực hiện là điều cần thiết khi phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần không phải cái gì cũng có thể chuyển sang chế độ sở hữu tư nhân, không thể chạy theo những lợi ích về mặt kinh tế để đổi lại sự bất bình đẳng giàu nghèo trong xã hội đặc biệt là các lĩnh vực then chốt liên

quan đến an ninh quốc phòng và kinh tế của quốc gia. Rút kinh nghiệm từ cuộc cải tổ kinh tế sai lầm của liên bang Xô Viết, chúng ta đã không tư nhân hóa những ngành lĩnh vực quan trọng này khi các tài nguyên thiên, năng lượng là những mặt hàng cơ bản nhất cho nền an ninh của cả một quốc gia. Đặc biệt là dầu khí và điện khi những mặt hàng này không chỉ quan trọng trong việc phục vụ cho đời sống của con người mà nó còn trực tiếp là nguồn năng lượng cho các ngành sản xuất công nghiệp khác mà nếu thiếu nó thì chắc chắn các ngành sản xuất này sẽ bị tê liệt. Nếu như đề cao chế độ sở hữu tư nhân đối với tài nguyên thiên nhiên sẽ là một điều rất nguy hiểm khi đây sẽ là cơ sở để các thành phần kinh tế tư nhân chiếm hữu và sử dụng với mục đích cá nhân và đầu cơ, tích trữ để đẩy giá của các mặt hàng cơ bản này lên cao khiến cho nền kinh tế của quốc gia bị ảnh hưởng. Nhưng điều này sẽ còn nguy hiểm hơn rất nhiều khi nó sẽ là cơ sở để các thành phần kinh tế, các thế lực từ bên ngoài nắm giữ các nguồn tài nguyên này và ảnh hưởng đến chính sách ngoại giao độc lập ở nước ta, khiến cho nước ta trở nên phụ thuộc vào các nước lớn. Chính vì những nguyên nhân ở trên, việc Nhà nước đại diện để quản lý các nguồn tài nguyên này là điều cần thiết để bảo vệ quốc gia khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài. Trên thực tế có rất nhiều quốc gia theo chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã phải trả giá cho việc đề cao chế độ sở hữu tư nhân khi đã bị các thế lực bên ngoài chiếm nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước. Ví dụ điển hình nhất chính là tại Phillipine khi đất nước này vốn là một nhà nước theo tư bản chủ nghĩa thân phương Tây. Chính vì vậy, Phillipine luôn đề cao chế độ sở hữu tư nhân và hậu quả là lợi dụng việc đề cao chế độ sở hữu tư nhân, các thế lực bên ngoài đã nhảy vào và chiếm các nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào của đất nước này. Trong tạp chí điện tử của tập đoàn điện lực EVN cho biết từ năm 2009 Trung Quốc đã kiểm soát 40% mạng lưới điện của Phillipine. Đây chính là nguyên nhân Phillipine luôn chìm trong nỗi lo bị các doanh nghiệp của Trung Quốc cắt điện nếu muốn. Đây là một trong những ví dụ điển hình cho việc tư nhân hóa các ngành công nghiệp quan trọng dẫn đến những hệ lụy khôn lường về sau.

Bên cạnh lĩnh vực an ninh liên quan đến khai thác khoáng sản thì còn một lĩnh vực khác không được phép tư nhân hóa đó chính là quyền in tiền của quốc gia. Nếu trao quyền in tiền vào tay tư nhân thì không khác gì giao trứng cho ác. Có thể nói an ninh tiền tệ là một lĩnh vực cực kì quan trọng mà Nhà nước cần phải nắm giữ và bảo vệ bằng mọi giá trước các mối đe dọa từ các thế lực tài chính từ bên ngoài, nếu để các thế lực tài chính tư nhân đặc biệt là các thế lực tài chính ở bên ngoài nắm giữ sẽ là cơ sở để các thế lực này thao túng nền kinh tế của quốc gia, những kẻ này có thể gây ra các cuộc khủng hoảng kinh tế thông qua việc nắm giữ quyền in tiền của một nước và thông qua các cuộc khủng hoảng này, bọn chúng sẽ có thể chiếm giữ, vơ vét các nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào của quốc gia đó. Trên thực tế, đã có nhiều quốc gia trên thế giới là nạn nhân của các thế lực tài chính này như Hoa Kỳ và gần đây nhất là Nhật Bản khi các thế lực này đã nắm giữ được quyền in tiền của các quốc gia trên. Một ví dụ điển hình nhất chính là cục dự trữ liên bang Mỹ FED khi đứng sau nó là các thế lực tài phiệt nắm giữ, gây ra sự bần cùng hóa trong đời sống xã hội nước này. Từ những mối đe dọa trên, việc quốc hữu hóa và độc quyền in và phát hành tiền tệ là một trong những vấn đề mà nhà nước phải làm và bảo vệ bằng mọi giá.

2.4. Những điểm mới về chế độ quản lý nền kinh tế

Bên cạnh những điểm mới về phương hướng phát triển kinh tế và chế độ sở hữu thì nguyên tắc quản lý nền kinh tế trong Hiến pháp năm 2013 cũng có nhiều điểm khác biệt hơn so với Hiến pháp năm 1980. Trong Hiến pháp năm 1980 trước đây quy định Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính, các doanh nghiệp trong thời kì này phải sản xuất theo yêu cầu mà Nhà nước đề ra, hàng hóa khi phân phối đến người dân sẽ do Nhà nước tự mình định giá sản phẩm rẻ hơn so với giá trị thực của chúng trên thị trường. Chính việc can thiệp quá sâu của các cơ quan hành chính Nhà nước vào hoạt động sản xuất của các thành phần kinh tế có thể gây ra những tổn thất lớn cho các cơ sở sản xuất, gây lãng phí đến nguồn ngân sách của Nhà nước nhưng các cơ quan hành chính này lại không chịu bất cứ một trách nhiệm nào

cho các quyết định của mình. Tuy nhiên, trong Hiến pháp 2013 đã quy định rất rõ ràng cụ thể tại điều 52 của hiến pháp quy định:

Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường, thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân.

Đây là một điểm rất mới mẻ so với nguyên tắc quản lý nền kinh tế trong Hiến pháp năm 1980 thay vì quản lý nền kinh tế theo nguyên tắc mệnh lệnh, hành chính thì chúng ta đã chuyển sang quản lý nền kinh tế bằng pháp luật và bằng các chính sách khuyến khích phát triển nền kinh tế vào những lĩnh vực quan trọng mà Nhà nước muốn. Điều này có thể hiểu rằng các thành phần kinh tế có thể tự do kinh doanh vào những lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh bất hợp pháp, mọi hành vi phá hoại nền kinh tế quốc dân, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật. Nguyên tắc quản lý này có ưu điểm là giúp cho Nhà nước không can thiệp quá sâu vào chính sách phát triển của doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo được những lợi ích của Nhà nước thông qua các chính sách phát triển. Đồng thời Nhà nước cũng phải tôn trọng các quy luật tự nhiên của thị trường và quy luật của giá trị hàng hóa, khuyến khích nền kinh tế tham gia vào những lĩnh vực mà nhà nước mong muốn phát triển.

Bên cạnh việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc quản lý nền kinh tế thì Nhà nước cũng sẽ sử dụng những công cụ khác để can thiệp, điều tiết thị trường một trong số đó là chính sách tiền tệ. Tại điều 55 của Hiến pháp 2013 quy định:

1. Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trong đó ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nhiệm vụ chi của quốc gia. Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phải được dự toán và do luật định.

3. Đơn vị tiền tệ quốc gia là Đồng Việt Nam. Nhà nước bảo đảm ổn định giá trị đồng tiền quốc gia.

Những vấn đề liên quan đến chính sách tiền tệ và quản lý ngân sách quốc gia là những yếu tố rất quan trọng không thể thiếu khi xây dựng chế độ quản lý nền kinh tế. Trước đây trong Hiến pháp 1980, khi nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung vẫn là mô hình áp dụng chủ yếu tại Việt Nam, chính sách tiền tệ luôn bị coi nhẹ vốn chỉ được sử dụng như hình thức trao đổi hàng hóa khi Nhà nước lúc đó đã định giá hàng hóa rẻ hơn so với giá trị thật của nó trên thị trường để người dân có thể tiếp cận được. Tuy nhiên về lâu dài khi giá cả các nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất hàng hóa tăng lên kết hợp với việc định giá hàng hóa rẻ hơn so với giá thị trường là một trong những yếu tố triệt tiêu động lực sản xuất và gây ra sự thâm hụt cho ngân sách quốc gia khi Nhà nước phải liên tục bù vào khoản lỗ từ kết quả kinh doanh của tổ chức kinh tế từ ngân sách quốc gia. Hiện nay khi đã mở cửa hội nhập sâu rộng, nguy cơ liên quan đến lạm phát phi mã vẫn luôn hiện hữu vậy nên trong Hiến pháp 2013 bên cạnh việc xây dựng thể chế pháp luật để quản lý nền kinh tế thì trong chế độ quản lý nền kinh tế, Nhà nước còn sử dụng các công cụ liên quan đến tiền tệ để không chỉ đảm bảo ổn định công cụ thanh toán chung của quốc gia mà còn đảm bảo chủ quyền liên quan đến an ninh tiền tệ, đảm bảo kiểm soát các giao dịch liên quan đến những hành vi bất hợp pháp và tránh tình trạng lạm phát tăng phi mã khiến cho chủ quyền liên quan đến lĩnh vực tiền tệ bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó với chính sách quản lý ngân sách quốc gia cũng cần phải đảm bảo ngân sách nhà nước được phân bổ một cách hợp lý để đảm bảo phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả, hạn chế tình trạng lãng phí.

Như vậy có thể thấy bên cạnh công cụ là pháp luật, việc kiểm soát tiền tệ và quản lý hiệu quả ngân sách quốc gia cũng rất quan trọng khi nó không chỉ là đảm bảo

cho sự ổn định của công cụ thanh toán, ổn định nền kinh tế mà còn để bảo vệ chủ quyền của quốc gia trên mặt trận an ninh tiền tệ, tránh bị các thế lực bên ngoài can thiệp và lũng đoạn nền kinh tế ở để thông qua đó gây bất ổn về tình hình chính trị an ninh nhằm chiếm giữ những tài nguyên khoáng sản dồi dào của đất nước ta.

Tiểu kết:

Từ những tài liệu thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau đã cho thấy chúng ta đã rút ra những nhược điểm vốn có của chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1980 và đã rút kinh nghiệm sửa đổi. Xuất phát từ những sự khó khăn ở bên trong nước kết hợp với việc cải tổ kinh tế sai lầm vào cuối thập niên 1980 của các nước xã hội chủ nghĩa anh em mà đứng đầu là Liên Xô đã giúp cho chúng ta có được những bài học quý giá từ việc cải cách chế độ kinh tế. Từ những kinh nghiệm thực tiễn đó đã tạo tiền đề cho sự ra đời của chế độ kinh tế mới trong Hiến pháp năm 1992 và được điều chỉnh, hoàn thiện tại Hiến pháp năm 2013.

Chương 3:

KIẾN NGHỊ VỀ THỰC HIỆN VÀ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ KINH TẾ Ở NƯỚC TA

3.1. Một số vấn đề thực tiễn trong xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta

Mặc dù trải qua các thời kì xây dựng và hoàn thiện chế độ kinh tế qua các hiến pháp và đã đạt được nhiều thành tựu trong xây dựng và phát triển kinh tế, thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng văn minh. Từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập chung với lĩnh vực chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp, chúng ta đã dần chuyển đổi sang mô hình kinh tế hàng hóa với nhiều thành phần kinh tế và đa dạng hình thức sở hữu. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 1989 ở nước ta chỉ vào khoảng 6,3 tỷ USD đã chuyển mình tăng trưởng đầy ấn tượng 409 tỷ USD vào năm 2022 theo số liệu của tổng cục thống kê. Dự báo năm 2023 của ngân hàng thế giới World Bank, GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng thuận lợi ở mức 6,3% trước những biến động trong và ngoài nước. Như vậy ta có thể thấy thành quả to lớn của Đảng và nhà nước ta khi Đảng đã kiên định trước những khó khăn thách thức trong công cuộc đổi mới năm 1986 đặc biệt khi anh cả đồ Liên Xô chính thức sụp đổ vào năm 1991 khiến cho nước ta bị mất đi chỗ dựa to lớn nhất. Tuy nhiên, thực tế cho thấy sau 36 năm đổi mới và hoàn thiện chế độ kinh tế, chúng ta vẫn còn gặp nhiều hạn chế, thách thức trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội một trong những vấn đề chính vẫn còn nhiều nhức nhối hiện nay đó là nền kinh tế của chúng ta vẫn chưa thể phát huy được nội lực từ bên trong quốc gia. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế này nhưng để giải quyết được những hạn chế này sẽ là một bài toán không hề dễ. Thật vậy, để đưa đất nước của chúng ta có nền kinh tế phát triển, chúng ta vẫn còn rất nhiều vấn đề phải thực hiện, những nguyên do cụ thể như sau.

Một là trong những nguyên nhân khiến cho nền kinh tế của chúng ta chưa phát huy được nội lực thì việc quá lệ thuộc vào nguồn đầu tư từ nước ngoài chính là một trong những vấn đề tiêu cực nhất. Thực tế cho thấy quy mô nền kinh tế của chúng ta

đã phát triển một cách rất nhanh chóng trong 36 năm qua, thành quả có được chính là nhờ những chính sách mở cửa và nhờ đó đã thu hút vốn từ các nhà đầu tư từ nước ngoài. Có thể nói rằng nhờ những nguồn vốn thu hút được từ nhà đầu tư nước ngoài đã góp phần lớn vào nền kinh tế của nước ta không những vậy còn giúp cho đời sống của Nhân dân được cải thiện khi nó đã tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, giúp cho hoạt động xuất khẩu ở Việt Nam tăng mạnh trong những năm gần đây. Các nhà đầu tư nước ngoài lớn từ các lĩnh vực công nghệ điện tử như Samsung hay sản xuất chất bán dẫn như Intel cho đến những ngành sản xuất xe hơi như Honda, Huynhdai.... Không thể phủ nhận những thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài này có đóng góp rất lớn đối với GDP của quốc gia. Tuy nhiên, về lâu về dài thì đây không phải là một điều tích cực đối với nền kinh tế vì đây không phải là một sự phát triển bền vững.

Việc quá phụ thuộc nhiều vào thành phần kinh tế của nước ngoài sẽ khiến cho nền kinh tế của chúng ta sẽ rất dễ bị tổn thương nếu như nền kinh tế của thế giới gặp nhiều biến động. Một ví dụ cụ thể đó là theo số liệu thống kê mới nhất của Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15 tháng 10 đạt 585,43 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ vào năm 2021. Trong số này, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giữ vai trò chủ đạo. Cụ thể, tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 407,21 tỷ USD, tăng 14,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước chỉ đạt 178,23 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Khi quy mô một nền kinh tế bị phụ thuộc phần lớn vào các doanh nghiệp nước ngoài sẽ là một vấn đề nghiêm trọng gây ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế khi các nhà sản xuất này có thể rút khỏi Việt Nam bất cứ lúc nào không những gây thiệt hại cho sự phát triển kinh tế mà nó còn có thể gây ảnh hưởng đến đời sống xã hội, công ăn việc làm của người dân. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp ở trong nước sẽ rất khó để có thể cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp nước ngoài. Mặc dù trên danh

nghĩa, các nhà máy sản xuất của các doanh nghiệp này được thành lập và đặt ở trên lãnh thổ Việt Nam tuy nhiên, chủ sở hữu các doanh nghiệp này là các cá nhân, tổ chức của nước ngoài. Ngoài ra việc quá phụ thuộc vào các thành phần kinh tế từ nước ngoài còn có nhiều nguy cơ tiềm ẩn khác khi các quốc gia khác có thể gây ảnh hưởng đến những chính sách phát triển kinh tế và thậm chí là cả về chính trị thông qua các công cụ của họ đó chính là các nhà đầu tư từ nước ngoài khiến cho chúng ta bị phụ thuộc vào họ về mặt kinh tế.

Hai là bên cạnh các vấn đề liên quan đến việc phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài, vẫn còn những yếu tố khác khiến cho nội lực kinh tế còn yếu đó chính là nền tảng các ngành công nghiệp nặng của chúng ta còn nhiều hạn chế. Mặc dù đất nước của chúng ta được thiên nhiên ban tặng cho rất nhiều tài nguyên khoáng sản dồi dào, những tài nguyên có giá trị phục vụ cho các ngành công nghiệp công nghệ cao. Điển hình trong số đó là đất hiếm vốn phục vụ cho các ngành liên quan đến sản xuất các thiết bị điện tử, các thiết bị bán dẫn vốn được coi là một trong những linh kiện quan trọng giúp cho an ninh kinh tế toàn cầu được ổn định. Việt Nam có trữ lượng đất hiếm đứng hai thế giới với trữ lượng lên đến hơn 22 triệu tấn và xếp sau Trung Quốc, bên cạnh đó, Việt Nam có rất nhiều mỏ Titan chất lượng vốn được dùng cho nhiều các ngành công nghiệp nặng như vũ khí, hàng không vũ trụ... Không chỉ như vậy, chúng ta có rất nhiều các mỏ khoáng sản có giá trị khác. Như vậy chúng ta đã có những điều kiện cần để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thế nhưng một thực tế cho thấy các ngành công nghiệp của chúng ta còn nhiều hạn chế vẫn chưa xứng tầm với nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào mà chúng ta đang có. Như đã nói ở trên, việc mở rộng và thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài là nhằm thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế và tạo công ăn việc làm cho người dân. Tuy nhiên mục đích sâu xa cuối cùng mà chúng ta cần đạt được đó chính là tiếp thu các công nghệ sản xuất hiện đại ở bên ngoài thông qua việc chuyển giao công nghệ. Mặc dù các chính sách đã đạt được một số kết quả nhất định tuy nhiên xét về tổng thể, việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nhà đầu

tư nước ngoài vẫn còn thấp. Hoạt động chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý chưa đạt kỳ vọng. Theo cổng thông tin điện tử của viện chiến lược và chính sách tài chính cho biết hiện nay, công nghệ mà các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) đưa sang chủ yếu là công nghệ trung bình khi chỉ có 80% số lượng công nghệ được chuyển giao, còn lại 14% là công nghệ lạc hậu và chỉ có 6% là công nghệ cao. Hiệu quả chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp FDI của Việt Nam thấp và có xu hướng ngày càng tụt hậu. Nguyên nhân một phần xuất phát từ việc các nhà đầu tư sẽ không muốn chuyển giao những công nghệ mang hàm lượng công nghệ cao vì đơn giản là họ không muốn bị tạo ra một đối thủ cạnh tranh trực tiếp với mình. Những công nghệ cao của các doanh nghiệp nước ngoài luôn được giữ rất kỹ để các doanh nghiệp này giữ được vị thế của mình trên thị trường. Điều này cũng khiến cho việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ ở Việt Nam ngày càng một khó khăn thậm chí nếu có nhận chuyển giao thì đa số là những công nghệ đã cũ. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra trong Hiến pháp 2013 vẫn còn nhiều khó khăn.

Ba là nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa gặp hạn chế không chỉ xuất phát từ các doanh nghiệp có nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài mà nó còn xuất phát từ chính các thành phần kinh tế tư nhân trong nước khi chính các doanh nghiệp trong nước vốn chỉ chạy theo những lợi nhuận trước mắt nên không chú trọng nhiều vào việc nội địa hóa sản phẩm. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc phát huy nội lực kinh tế bằng việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa khi sản phẩm các doanh nghiệp này làm ra vẫn có những linh kiện nhập từ nước ngoài, điển hình đó chính là lĩnh vực sản xuất ô tô. Một chiếc ô tô hoàn thiện hợp thành từ trên 30.000 linh kiện, nhưng có một thực tế đáng buồn khi các doanh nghiệp Việt Nam hiện tại chỉ sản xuất được không quá... trăm loại. Theo báo Thanh niên số ra ngày 21 tháng 7 năm 2021, tỉ lệ nội địa hóa của ngành Công nghiệp ô tô Việt Nam tính ra hiện tại còn quá khiêm tốn, chỉ ở mức khoảng 8-10% đối với ô tô du lịch,

khoảng 40-45% đối với ô tô tải và 50-55 % đối với ô tô khách. Điều quan trọng khi sản xuất và nội địa hóa những sản phẩm này chính là động cơ, trái tim của mọi loại phương tiện đây mới chính là yếu tố quan trọng để sản xuất ra một phương tiện, là thứ để định hình về một quốc gia có nền công nghiệp phát triển dựa trên nền tảng khoa học công nghệ hiện đại.

Bốn là không chỉ các doanh nghiệp tư nhân không chủ động trong việc nội địa hóa sản phẩm, chính bản thân một số doanh nghiệp nhà nước vẫn còn ỷ lại rất nhiều vào ngân sách của quốc gia, vẫn chưa có sự chủ động trong phát triển mặc dù có nguồn lực rất lớn, được Nhà nước bảo lãnh trong việc vay vốn đầu tư. Hiến pháp năm 2013 đã quy định thành phần kinh tế của Nhà nước vẫn sẽ đóng vai trò chủ đạo. Đây là một quy định hết sức cần thiết khi nền kinh tế Nhà nước không những đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực liên quan đến an ninh năng lượng mà nó còn đóng một vai trò quan trọng khi nó sẽ là công cụ để Nhà nước trực tiếp thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước khi nền kinh tế của nước ta bắt đầu có sự hội nhập sâu rộng với thế giới và tích cực tham gia vào các điều ước quốc tế cũng tạo ra những xung lực mới cho phát triển kinh tế, mở ra những thị trường xuất khẩu mới cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên việc tham gia các điều ước quốc tế không phải lúc nào cũng đem lại lợi ích cho đất nước ta khi sẽ có những điều khoản ràng buộc các nước thành viên phải tuân theo những nguyên tắc mà các tổ chức kinh tế đã đề ra. Một trong những ví dụ đó là tổ chức thương mại thế giới (WTO) mà Việt Nam chính thức là thành viên thứ 107 của tổ chức này vào năm 2007. Một trong những nguyên tắc cơ bản mà WTO đặt ra đó chính là nguyên tắc không phân biệt đối xử mà cụ thể đó là nguyên tắc đối xử quốc gia khi Nhà nước không được có những chính sách phân biệt đối xử với hàng hóa nhập khẩu. Điều này sẽ rất khó để Nhà nước thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thông qua nội địa sản phẩm trong nước. Trong khi đó, các thành phần kinh tế tư nhân đa số sẽ chỉ chạy theo những lợi ích trước mắt của họ. Chính vì

những nguyên nhân trên sẽ là rất khó để Nhà nước có thể yêu cầu các doanh nghiệp này nội địa hóa sản phẩm của mình vì điều đó có thể vi phạm các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã kí kết. Trên thực tế, Nhà nước chỉ có những chính sách nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân nội địa hóa sản phẩm thế nhưng việc các doanh nghiệp này có thể thực hiện được hay không sẽ rất khó có thể làm được một sớm một chiều là được ngay.

Từ những nguyên nhân trên, các thành phần kinh tế nhà nước sẽ gánh vác những trọng trách này. Bên cạnh việc có những chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân phát triển, nội địa hóa công nghệ sản xuất thì các doanh nghiệp nhà nước sẽ là phương tiện để Nhà nước trực tiếp thực hiện các mục tiêu đó. Có thể nói rằng các thành phần kinh tế nhà nước có một vai trò cực kì quan trọng khi bên cạnh việc gánh vác về trọng trách kinh tế thì nó còn phải gánh vác thêm cả trọng trách xã hội khi nó là phương tiện phục vụ trực tiếp cho nền kinh tế quốc gia và thu ngân sách về cho Nhà nước, là công cụ để ổn định an ninh của nền kinh tế quốc gia khi nắm giữ các lĩnh vực then chốt và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác. Ngoài ra, kinh tế nhà nước có thể đầu tư vào các lĩnh vực cần có nguồn vốn và nhân lực lớn, thứ mà các thành phần kinh tế ngoài nhà nước không thể làm như các lĩnh vực xã hội, lĩnh vực an ninh quốc phòng. Có thể thấy rằng, các doanh nghiệp Nhà nước đóng một vai trò quan trọng, là phương tiện để Nhà nước có thể trực tiếp thực hiện các mục tiêu kinh tế đã đề ra.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tình hình thế giới ngày càng có nhiều chuyển biến phức tạp đòi hỏi chúng ta cần phải xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ. Đó là cơ sở để tạo nên một nền tảng kinh tế bền vững dựa trên khoa học, kĩ thuật phát triển trong bối cảnh hiện nay. Các doanh nghiệp nhà nước đã cho thấy trọng trách quan trọng khi nó không chỉ là công cụ để Nhà nước thu lợi nhuận trực tiếp cho ngân sách quốc gia mà nó còn phải gánh vác hai trọng trách quan trọng khác đó chính là phục vụ xã hội và trực tiếp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo mục tiêu mà

Nhà nước đề ra. Có thể thấy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước rất quan trọng khi nó mang trong mình sứ mệnh dẫn dắt các thành phần kinh tế khác, tạo động lực mở đường, thúc đẩy liên kết các chuỗi giá trị gia tăng, thực hiện xóa đói giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội và đã đạt được những thành tựu, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Thực tế cho thấy theo dữ liệu của sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022 cho biết số lượng doanh nghiệp nhà nước hoạt động vào năm 2020 là 1.963 doanh nghiệp và chỉ chiếm khoảng 0,3% thế nhưng lại tạo ra được tổng giá trị tài sản lên tới 3,4 nghìn tỷ đồng. Theo đó, số doanh nghiệp kinh doanh có lãi đạt tỷ lệ 77,6 % theo dữ liệu năm 2020. Điều đó là minh chứng rõ ràng cho sự hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực mà các doanh nghiệp nhà nước này đem lại thì thực tế ở Việt Nam cho thấy vẫn còn một số doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu mà Nhà nước mong muốn. Mặc dù Nhà nước cũng đã có những quy định đẩy mạnh cổ phần hóa, và tăng cường khả năng tự chủ của doanh nghiệp nhà nước để góp phần giúp cho các doanh nghiệp này có thể linh hoạt hơn khi có thể huy động được nhiều nguồn vốn. Trong đó có những nguồn vốn nhân rồi trong xã hội, giảm bớt áp lực đối với ngân sách của Nhà nước và sẽ giúp cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp sẽ trở nên dễ dàng hơn và có thể mở rộng được quy mô sản xuất. Thậm chí ngay cả chính những người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước cũng có những cơ hội để khẳng định quyền làm chủ của mình thông qua việc tham gia mua cổ phần của doanh nghiệp nhà nước. Không những thế, người lao động sẽ có cơ hội trở thành cổ đông của các doanh nghiệp nhà nước, được quyền tham gia, biểu quyết. Từ đó, người lao động sẽ có động lực để làm việc khi giá trị của cổ phiếu mà người lao động đang sở hữu sẽ xuất phát từ thành quả từ lao động sản xuất kinh doanh. Như vậy, người lao động không những được hưởng lương từ thành quả lao động mà còn được hưởng nguồn thu từ lãi suất cổ phiếu mà chính họ làm chủ sở hữu. Từ đó việc nâng cao hiệu quả sản xuất tại các doanh nghiệp nhà nước sẽ được cải thiện.

Mặc dù đây là chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước thế nhưng thực tế vẫn còn một số doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều e ngại trong việc cổ phần hóa các doanh nghiệp có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến vấn đề này nhưng xuất phát chủ yếu vẫn đến từ việc lo sợ những thành phần kinh tế khác có thể thông qua mua bán cổ phần để chiếm hữu doanh nghiệp. Ngoài ra, còn nhiều ý kiến e ngại rằng việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là không khả thi do xuất phát từ việc không hấp dẫn được các nhà đầu tư mà nguyên nhân xuất phát từ cơ chế quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp này. Một trong những vấn đề thường gặp rõ nhất là ở cách thông qua các quyết định của doanh nghiệp. Trong một doanh nghiệp tư nhân, việc thông qua một quyết định của doanh nghiệp rất nhanh chóng trong khi Nhà nước tham dự với tư cách, thẩm quyền của một cổ đông, khi doanh nghiệp có cổ phần mà Nhà nước chi phối khi muốn thông qua một quyết định nào đó thì người đại diện cổ phần chủ sở hữu nhà nước còn phải thông qua các quyết định của các cơ quan đại diện nhà nước có thẩm quyền và phải thực hiện qua nhiều bước thủ tục hành chính khác nhau khiến cho việc thực hiện trở nên khó khăn và tốn rất nhiều thời gian, chính những thứ đó đã trực tiếp khiến cho người đại diện phần vốn sở hữu, cổ phần của Nhà nước trở nên thụ động hoặc thiếu trách nhiệm trong việc ra quyết định, dẫn đến việc các doanh nghiệp nhà nước chậm trễ trong việc thông qua quyết định của doanh nghiệp trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh hiện nay cần đòi hỏi phải đưa ra những quyết định nhanh chóng và kịp thời để có thể sớm nắm bắt những cơ hội mới từ thị trường. Ngoài ra, chế độ kinh tế trong Hiến pháp 2013 hiện nay có quy định các thành phần kinh tế đều bình đẳng như nhau và có khả năng cạnh tranh lành mạnh theo pháp luật. Về mặt pháp lý, Hiến pháp 2013 đã cho thấy không có sự phân biệt đối xử đối với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước. Tuy nhiên, thực tế các doanh nghiệp nhà nước vẫn có nhiều ưu đãi hơn vì được Nhà nước có cơ chế bảo lãnh cho vay vốn đầu tư vì đây là quyền chủ sở hữu của Nhà nước nên các doanh nghiệp này không lo bị phá sản còn đối với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước thì lại không có những quy định nhằm hỗ trợ như vậy. Tuy Nhà nước cũng đã ban hành

ng nghị định 39/2018/NĐ-CP về tiêu chí hỗ trợ một số doanh nghiệp nhỏ và vừa, thế nhưng đối với các doanh nghiệp tư nhân có quy mô sản xuất và quy mô lao động rất lớn như Vinfast hay các tập đoàn công nghệ cao như FPT lại không có những quy định để hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn trong khi các doanh nghiệp này lại có một vai trò rất lớn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đóng góp rất lớn cho ngân sách của quốc gia.

Nhìn chung từ những nguyên nhân đã nêu ở trên đã cho thấy những hạn chế trong việc xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta khi quá phụ thuộc vào nguồn vốn FDI từ nước ngoài, cơ chế quản lý nhà nước chưa được hợp lý, những hạn chế của các thành phần kinh tế trong nước khiến cho mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa thể phát huy được nội lực của nền kinh tế như Đảng, Nhà nước và Nhân dân mong muốn. Xuất phát từ những bất cập trên đòi hỏi chúng ta cần phải có những biện pháp để sớm khắc phục những nhược điểm này.

3.2. Kiến nghị về hoàn thiện chế độ kinh tế ở nước ta

Một là đối với chính sách kinh tế trong Hiến pháp 2013, việc đề ra mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa là điều cần thiết, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ, cần phải bổ sung thêm những yêu cầu khác đó là thực hiện phát huy nội lực của nền kinh tế thông qua việc thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, tăng cường tiếp thu chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại. Thực tiễn cho thấy, một quốc gia chỉ mạnh và có một nền kinh tế bền vững khi có một nền công nghiệp phát triển và những ngành công nghiệp nặng đó xuất phát từ chính các doanh nghiệp nội địa của quốc gia đó chứ không phải từ các thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đó chính là nội lực thực sự của nền kinh tế, là động lực mà chúng ta cần hướng tới.

Hai là đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ, mặc dù trong các luật chuyên ngành như Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã quy định Nhà nước không can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, Nhà nước nên xem xét, gỡ bỏ

thêm một số quy định liên quan đến cơ chế quản lý vốn của nhà nước đối với các doanh nghiệp đã có hiệu quả kinh doanh cao và doanh nghiệp có công nghệ sản xuất tiên tiến. Điều này sẽ làm tăng khả năng tự chủ, linh hoạt hơn cho các doanh nghiệp trên trong việc chủ động lên các phương án, tầm nhìn và kế hoạch sản xuất kinh doanh được tốt hơn, và có thể bắt kịp xu hướng mới của thị trường. Xứng đáng làm đất tầu, tầm nhìn trở thành những tập đoàn lớn mạnh, đóng vai trò dẫn dắt các thành phần kinh tế khác đi theo phương hướng mà Nhà nước đề ra. Bên cạnh đó, Nhà nước nên xem xét, bổ sung thêm những quy định mới liên quan đến việc tăng cường quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này để đảm bảo được tài sản mà mình đang nắm giữ và tránh nguy cơ tài sản bị thất thoát.

Ba là mặc dù Nhà nước đã có ban hành Luật Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên về lâu dài, Nhà nước nên xem xét ban hành thêm những quy định liên quan đến hỗ trợ, đặc biệt là bảo lãnh vay vốn đầu tư đối với các doanh nghiệp tư nhân lớn, có sự đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế quốc gia. Những quy định như vậy sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này có cơ hội phát triển hơn, đóng góp nhiều hơn cho kinh tế-xã hội và cũng giúp cho những thành phần có vai trò quan trọng trong nền kinh tế không bị phá sản.

Bốn là Nhà nước cũng nên xem xét thêm trong việc cắt giảm thêm những quy định liên quan đến các thủ tục hành chính rườm rà về đất đai cũng như quy định về thuế để doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng như các doanh nghiệp trong nước có cơ hội tiếp cận, đẩy mạnh đầu tư phát triển sản xuất công nghệ cao tại Việt Nam và thông qua đó chúng ta có cơ hội học hỏi, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp này. Bên cạnh đó, đối với các quy định thu hút vốn đầu tư FDI từ nước ngoài trong Luật Đầu tư, mặc dù đã có những quy định ưu đãi đầu tư vào những dự án năng lượng sạch tuy nhiên nên có thêm những quy định mới nhằm hạn chế các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mang sang những công nghệ lạc hậu, gây ảnh hưởng lớn tới môi trường. Điều này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà nó còn sẽ

giúp cho Việt Nam có thể tăng cường tiếp thu các công nghệ sản xuất mới từ bên ngoài và đáp ứng, những chính sách kinh tế đã đề ra liên quan đến bảo vệ môi trường trong hiến pháp năm 2013.

Tiểu kết:

Từ những điểm mới trong xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta được nêu trong chương 2, bên cạnh các thành tựu to lớn mà chúng ta đã đạt được, thực tiễn cho thấy còn nhiều hạn chế. Nền kinh tế của chúng ta trong thời điểm hiện tại vẫn chưa phát huy được nội lực và vẫn phụ thuộc phần lớn vào nước ngoài. Vì vậy, xây dựng nền kinh tế bền vững dựa trên khoa học công nghệ hiện đại mới là những mục tiêu chính mà chúng ta cần hướng đến vì như đã trình bày ở trên, một nền kinh tế mạnh sẽ là một nền kinh tế có nền công nghiệp nặng hiện đại, có nền tảng khoa học kỹ thuật vững chắc. Là nền móng để xây dựng nền kinh tế độc lập và tự chủ như những gì đã nêu trong chính sách kinh tế tại Hiến pháp năm 2013. Chương 3 đã có những kiến nghị nhằm khắc phục những nhược điểm, hạn chế trong quá trình xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta hiện nay nhằm phát huy nội lực của nền kinh tế đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

KẾT LUẬN

Từ việc so sánh các điểm mới của chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp 2013. Có thể thấy rằng nhờ những đổi mới kịp thời, chúng ta đã khắc phục được những nhược điểm của chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1980 và đưa đất nước ra khỏi hoàn cảnh khó khăn và đời sống của nhân dân ngày càng không ngừng được cải thiện. Chỉ sau đổi mới 36 năm, nền kinh tế của chúng ta từ một quốc gia chỉ có GDP rơi vào khoản 6,3 tỷ USD đã trở thành một quốc gia có nền kinh tế trong xếp hạng 50 nền kinh tế lớn trên thế giới với GDP đạt 409 tỷ USD vào năm 2022.

Thành công này có được là nhờ những chính sách về phương hướng phát triển kinh tế đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Mặc dù qua đề tài những điểm mới của chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 1992 và 2013 so với năm 1980 có thể thấy những ưu điểm của nền kinh tế thị trường cũng như nguyên tắc quản lý nền kinh tế mới mẻ. Mặc dù là một nền kinh tế được xếp vào hạng đang phát triển, tuy nhiên qua việc phân tích và tổng hợp, tham khảo từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau có thể thấy rằng thực tiễn trong việc xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta vẫn chưa phải là hoàn hảo khi vẫn còn nhiều bất cập trong thực tiễn như nền kinh tế của chúng ta vẫn chưa phải là một nền kinh tế bền vững khi có nền tảng công nghiệp vẫn còn hạn chế, thành phần kinh tế tư nhân vẫn còn quan tâm quá nhiều đến lợi nhuận, chưa chú trọng vào việc nội địa hóa sản phẩm. Các doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn ỷ lại phần lớn vào ngân sách quốc gia và có một số quy định vướng mắc trong khâu quản lý vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp này dẫn đến chuyện có nguồn tài chính dồi dào nhưng lại hoạt động thiếu hiệu quả, chưa đáp ứng được như kì vọng mà Nhà nước đã đề ra. Tỷ lệ các doanh nghiệp FDI chuyển giao các công nghệ cao trong các lĩnh vực sản xuất, chế tạo máy móc còn thấp

Chính những nguyên nhân trên đã dẫn đến tình trạng đó là nền kinh tế của chúng ta vẫn phụ thuộc phần lớn vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp từ

nước ngoài dẫn đến việc nền kinh tế vẫn chưa thể phát huy được nội lực, sức mạnh từ bên trong.

Từ những hạn chế trên, đòi hỏi chúng ta cần phải có những quy định pháp luật hợp lý hơn trong thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài và đặc biệt nhất đó chính là tiếp thu các công nghệ sản xuất đối với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên cơ sở khoa học công nghệ hiện đại. Có những quy định nhằm cải thiện các doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập như Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Đề tài liên quan đến chế độ kinh tế là một vấn đề rất quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế ở nước ta. Chính vì vậy cần phải được nghiên cứu thêm và sớm tìm ra những biện pháp nhằm khắc phục những hạn chế hiện có trong xây dựng chế độ kinh tế ở nước ta trong tương lai.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1].Hiến pháp năm 1946
- [2].Hiến pháp năm 1959
- [3].Hiến pháp năm 1980
- [4].Hiến pháp năm 1992
- [5].Hiến pháp năm 2013
- [6].Hiệp định về thương mại và thuế quan GATT 1994
- [7].Giáo trình lịch sử đảng cộng sản Việt Nam, trang 260. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021
- [8].Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2022, trang 32,33. NXB Thống kê, 2022
- [9].Bùi Xuân Đức chủ biên, *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*. NXB Tư pháp, 2004
- [10].Bành Quốc Tuấn, *Sự cần thiết phải tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong hiến pháp*. Tạp chí điện tử Nghiên cứu lập pháp, (01/04/2013)
- [11].Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh chủ biên, *Giáo trình luật Hiến pháp Việt Nam*. NXB Công an nhân dân, 2009
- [12].Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017
- [13].Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
- [14].Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp 2014
- [15].Nguyễn Thanh Trọng, *Xây dựng và cải cách thể chế nhằm thúc đẩy vai trò cạnh tranh trong nền kinh tế*. Tạp chí điện tử Nghiên cứu lập pháp, (01/04/2013)

[16].Bùi Chí Trung, Trần Vũ Anh, Nguyễn Hà Tiệp, Đặng Bảo Chung, Đỗ Đức Lương, *Mùa đông 1991*. NSX Media 21, 2021

[17].Phạm Việt Dũng, *Về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước*. Tạp chí Cộng sản, (29/12/2019)

[18].<https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/821546/cai-cach-doanh-nghiep-nha-nuoc-o-trung-quoc.aspx>

[19].<https://vietnamnet.vn/xuat-khau-tang-manh-phu-thuoc-vao-doanh-nghiep-fdi-2074717.html>

[20].<https://thanhvien.vn/goc-nhin-chuyen-gia-ti-le-noi-dia-hoa-o-to-lap-rap-tai-viet-nam-thap-vi-dau-1851271143.htm>

[21].<https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/nganh-cong-nghiep-dat-hiem-made-in-vietnam-trien-vong-phat-trien-708551>

[22].https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages_r/1/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM176705

[23].<https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?locations=VN>

[24].<https://luatminhkhue.vn/che-do-kinh-te-la-gi---khai-niem-ve-che-do-kinh-te.aspx>

[25].<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/03/tong-quan-du-bao-tinh-hinh-kinh-te-the-gioi-quy-i-va-ca-nam-2023/>

[26].<https://vnexpress.net/philippines-lo-trung-quoc-kiem-soat-mang-luoi-dien-4015497.html>

[27].<https://www.qdnd.vn/quoc-te/binh-luan/30-nam-lien-xo-tan-ra-duoi-goc-nhin-nhom-dao-dien-phim-tai-lieu-mua-dong-1991-678963>

[28].<https://phaptri.vn/che-do-kinh-te-qua-cac-ban-hien-phap-viet-nam/>

[29].<http://redsvn.net/ban-ve-lo-hong-chet-nguoi-cua-ban-tay-vo-hinh/>

[30].<https://vnexpress.net/vi-sao-vinaxuki-that-bai-4061352.html>

[31].<https://nhandan.vn/moi-lo-khung-hoang-luong-thuc-toan-cau-post728315.html>